

# **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

---

## **VĂN KIẾN DỰ ÁN**

### **KẾ HOẠCH QUẢN LÝ LOẠI TRỪ CÁC CHẤT HCFC CỦA VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN II**

*Kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

**Chủ dự án: Cục Biến đổi khí hậu**

**HÀ NỘI, 2018**

# MỤC LỤC

Các chữ viết tắt	4
Các phụ lục	5
<b>I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN</b>	<b>6</b>
<b>II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN</b>	<b>7</b>
1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành	7
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan	9
3. Sự cần thiết của dự án và khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của dự án	9
3.1. <i>Sự cần thiết của dự án</i>	9
3.2. <i>Những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi dự án</i>	10
4. Nhu cầu tài trợ dự án bằng nguồn vốn ODA	10
<b>III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI</b>	<b>11</b>
1. Tính phù hợp của của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ	11
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ	11
3. Điều kiện cung cấp vốn ODA của Quỹ Đa phương và Ngân hàng Thế giới	11
3.1. <i>Các quy định của Quỹ Đa phương</i>	11
3.2. <i>Các quy định của Ngân hàng Thế giới</i>	13
4. Khả năng đáp ứng của Việt Nam	14
<b>IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN</b>	<b>15</b>
1. Mục tiêu tổng quát	15
2. Mục tiêu cụ thể	15
<b>V. MÔ TẢ DỰ ÁN</b>	<b>16</b>
1. Hợp phần 1: Loại trừ tiêu thụ HCFC	16
1.1. <i>Lĩnh vực sản xuất điều hòa không khí gia dụng</i>	16
1.2. <i>Lĩnh vực sản xuất thiết bị lạnh</i>	19
1.3. <i>Lĩnh vực sản xuất xốp XPS</i>	23
1.4. <i>Lĩnh vực dịch vụ bảo dưỡng thiết bị lạnh</i>	24

1.5. Lĩnh vực sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng HCFC-141b trộn sẵn trong polyol	24
2. Hợp phần 2: Hỗ trợ kỹ thuật và chính sách	31
3. Hợp phần 3: Hỗ trợ Ban quản lý dự án	32
4. Kết quả chủ yếu của dự án	32
4.1. Kết quả tổng quát	32
4.2. Các kết quả chính của Dự án	33
<b>VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG</b>	<b>34</b>
1. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp	34
<b>VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN</b>	<b>36</b>
1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước	36
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên	37
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá	37
<b>VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	<b>37</b>
1. Hình thức quản lý dự án	37
2. Cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan: cơ quan chủ quản, chủ dự án, Ban quản lý dự án, các nhà thầu, nhà tài trợ và các bên tham gia khác để thực hiện và quản lý dự án	38
3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ dự án được giao thực hiện dự án	39
<b>IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN</b>	<b>40</b>
1. Vốn ODA viện trợ không hoàn lại	40
2. Vốn đối ứng	40
<b>X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI</b>	<b>41</b>
<b>XI. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI DỰ ÁN</b>	<b>41</b>
1. Đối với vốn ODA	41
2. Vốn đối ứng	42
3. Tính chất chi của Dự án	42
<b>XII. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC</b>	<b>42</b>

## CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Ban QLDA	Ban Quản lý dự án
Cục BĐKH	Cục Biến đổi khí hậu
Dự án HPMP II	Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam, giai đoạn II.
Nghị định thư Montreal	Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn của Công ước Vienna.
ODS	Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn
PIM	Tài liệu hướng dẫn quản lý, thực hiện Dự án.
Quỹ Đa phương	Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal.
WB	Ngân hàng Thế giới

## **CÁC PHỤ LỤC**

1. Kế hoạch tổng thể thực hiện dự án
2. Kế hoạch thực hiện dự án 12 tháng đầu tiên.
3. Quy định về lộ trình loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn Nghị định thư Montreal và Nghĩa vụ loại trừ các chất HCFC của Việt Nam
4. Thỏa thuận tài trợ Dự án HPMP II của Ban Chấp hành Quỹ Đa phương
5. Các kết quả đã đạt được của Dự án “Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam, giai đoạn I”

## **I. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:** Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam, giai đoạn II

Tên dự án tiếng Anh: Vietnam HCFC Phase Out Management Plan, Stage II

Tên viết tắt: Dự án HPMP II

**2. Nhà tài trợ:** Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal viện trợ không hoàn lại thông qua Ngân hàng Thế giới.

**3. Cơ quan chủ quản dự án:** Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Địa chỉ liên lạc: Số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội

- Số điện thoại: 024.37956868; Fax: 024.38359221

- Email: portal@monre.gov.vn

**4. Cơ quan chủ dự án:** Cục Biến đổi khí hậu

- Địa chỉ liên lạc: Số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội

- Số điện thoại: 024.37759430; Fax: 024.37759382

- Email: vietnamozone@monre.gov.vn

**5. Thời gian dự kiến thực hiện dự án:** Từ năm 2018 đến năm 2023

**6. Địa điểm thực hiện dự án:** Toàn quốc.

*Văn kiện dự án được xây dựng trên cơ sở Hồ sơ Dự án do WB phối hợp với Cục Biến đổi khí hậu đề xuất, với các số liệu điều tra độc lập do WB thực hiện và đã được Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal thông qua.*

## **II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN**

### **1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.**

Từ năm 1994, Việt Nam đã phê chuẩn tham gia Công ước Vienna về Bảo vệ tầng ô-dôn và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn của Công ước Vienna. Theo đó Việt Nam là một nước đang phát triển thuộc Điều 5 của Nghị định thư Montreal, có nghĩa vụ loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) theo lộ trình được quy định, đồng thời có quyền được nhận hỗ trợ tài chính và công nghệ từ Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư thông qua các dự án do các tổ chức quốc tế được Quỹ Đa phương uỷ thác để thực hiện các hoạt động loại trừ các chất ODS.

Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT) là cơ quan được Chính phủ giao chủ trì thực hiện Nghị định thư Montreal về ODS và Cục Biến đổi khí hậu (Cục BĐKH), tiền thân là Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu là đơn vị được Bộ TNMT giao trách nhiệm đầu mối tổ chức và điều phối các hoạt động thực hiện Nghị định thư Montreal ở Việt Nam.

Thực hiện nhiệm vụ đầu mối được giao, Cục BĐKH đã chủ trì triển khai thành công Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam, giai đoạn I với các kết quả chính như sau:

- Loại trừ hoàn toàn 462 tấn HCFC-141b nguyên chất và 812,6 tấn HCFC-141b trộn sẵn trong polyol. Tổng số lượng HCFC-141 được loại trừ là 1.274.6 tấn;

- Ban hành được các chính sách về kiểm soát các chất HCFC gồm:

- + Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập – tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal;

- + Văn bản số 132/BTNMT-HTQT ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Bộ TNMT về việc thực hiện các biện pháp giảm cầu về các chất HCFC ở Việt Nam.

- + Văn bản số 1477/KTTVBĐKH-GSPT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Cục BĐKH về việc chấm dứt hoàn toàn nhập khẩu, xuất khẩu HCFC-141b kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- Xây dựng phần mềm hệ thống quản lý thông tin xuất nhập khẩu HCFC;

- Biên soạn sách hướng dẫn lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa điều hòa không khí gia dụng, thiết bị lạnh công nghiệp và điều hòa không khí trung tâm.

- Hướng dẫn, đào tạo cho các cơ quan, tổ chức về: kiểm soát xuất nhập khẩu các chất HCFC; giảm sử dụng HCFC và thiết bị có sử dụng HCFC; thực hành tốt khi sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lạnh và điều hòa không khí, giảm phát thải HCFC ra môi trường; kỹ thuật an toàn trong quá trình sản xuất theo công

nghe mới; cách phòng tránh bệnh nghề nghiệp và biện pháp an toàn khi sử dụng cyclo-pentane...

Để tiếp tục loại trừ các chất ODS theo lộ trình đã được quy định, cần phát huy kết quả Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn I, làm cơ sở triển khai giai đoạn II. Việc triển khai Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn II (Dự án HPMP II) không chỉ thực hiện cam kết của Việt Nam đối với Nghị định thư Montreal, mà còn góp phần thực hiện các chủ trương, chính sách, chiến lược của Đảng, Nhà nước và của ngành tài nguyên và môi trường đã ban hành, cụ thể:

***Nghị quyết số 24-NQ-TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị Trung ương lần thứ 7 về "Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường"*** Theo đó, một trong những nhiệm vụ cụ thể của Nghị quyết đề chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là: *"Thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện nước ta trên cơ sở hỗ trợ tài chính và công nghệ của các nước và tổ chức quốc tế"*.

Trên cơ sở đó, Dự án loại trừ HCFC II sẽ hỗ trợ chuyển đổi công nghệ mới cho các doanh nghiệp nhằm loại trừ dần tỷ lệ sử dụng các chất HCFC phù hợp với các cam kết của Việt Nam, đồng thời cũng sẽ hỗ trợ xây dựng các tiêu chuẩn, quy định nhằm quản lý tốt hơn việc sử dụng các chất HCFC tại Việt Nam. Qua đó tạo sự lan tỏa về ý thức và thói quen tiêu dùng ít các chất gây hiệu ứng nhà kính trong cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội.

***Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu*** được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2011, trong đó đề ra các nhiệm vụ chiến lược nhằm ứng phó với BĐKH. Dự án loại trừ HCFC II sẽ tham gia thực hiện nhiệm vụ chiến lược: *"Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất"* thông qua triển khai ứng dụng công nghệ mới ít phát thải khí nhà kính trong sản xuất công nghiệp, bảo vệ tầng ô-dôn.

***Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu*** được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012, theo đó quy định mục tiêu *"Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp"*. Dự án loại trừ HCFC II sẽ góp phần thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các hoạt động sản xuất, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, từng bước thực hiện chuyển giao công nghệ thân thiện với khí hậu trong khuôn khổ Công ước Khung Liên Hợp quốc về BĐKH. Triển khai các dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp có sự hỗ trợ tài chính và công nghệ của quốc tế.

***Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh*** được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 với nhiệm vụ chiến lược *"Giảm cường độ phát thải khí nhà kính"* theo định hướng đến năm 2030 giảm mức phát thải khí nhà kính mỗi năm ít nhất 1,5 - 2%, giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 20% đến 30% so với phương án phát triển bình thường. Trong đó mức tự nguyện khoảng 20%, 10% còn lại là mức khi có thêm hỗ trợ quốc tế. Dự án loại trừ HCFC II sẽ góp phần



giảm phát thải khí nhà kính thông qua kiểm soát và loại trừ các chất HCFC của nó trong quá trình sản xuất bằng các công nghệ tiên tiến.

Với các chủ trương của Đảng, các chính sách, chiến lược của Nhà nước, việc chủ động ứng phó với BĐKH bằng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, trong đó loại trừ các chất HCFC là rất quan trọng và có ý nghĩa đối với nước ta. Nó không những giúp Việt Nam chung tay cùng cộng đồng quốc tế ứng phó hiệu quả với BĐKH toàn cầu mà còn thông qua đó huy động thêm nguồn lực tài chính, công nghệ và kinh nghiệm để chuyển đổi công nghệ sản xuất trong nước theo hướng hiện đại, thân thiện môi trường để phát triển bền vững.

## **2. Môi quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.**

Nguồn tài trợ duy nhất cho các hoạt động thực hiện Nghị định Montreal ở Việt Nam là Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal. Tài trợ tài chính và công nghệ từ Quỹ Đa phương là nguồn không hoàn lại, thông qua các dự án cụ thể do các cơ quan quốc tế thi hành Nghị định thư được uỷ thác quản lý.

Ngoài nguồn tài chính của Dự án HPMP II cho việc loại trừ các chất HCFC ở Việt Nam, Bộ TNMT không có bất kỳ nguồn vốn tài trợ nào và cũng không có bất kỳ khoản kinh phí nào từ nguồn ngân sách Nhà nước cho việc loại trừ các chất HCFC ở Việt Nam.

## **3. Sự cần thiết của dự án và khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của dự án**

### **3.1. Sự cần thiết của dự án**

Theo lộ trình quy định của Nghị định thư đối với các nước đang phát triển thuộc Điều 5, Việt Nam có quyền được nhận hỗ trợ tài chính và công nghệ từ Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal thông qua các dự án do các tổ chức quốc tế được Quỹ Đa phương uỷ thác và có nghĩa vụ thực hiện các hoạt động loại trừ các chất ODS.

Dự án HPMP I đã được chúng ta triển khai thành công, theo các mục tiêu đề ra, đáp ứng đúng lộ trình của Nghị định thư Montreal. Do đó, Dự án HPMP II được triển khai sẽ tiếp tục đáp ứng các quy định trong lộ trình của Nghị định thư Montreal giai đoạn 2018-2024, bảo đảm thực hiện cam kết của Việt Nam khi ký kết Nghị định thư.

Do hạn chế về kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho công tác chuyển đổi công nghệ loại trừ các chất HCFC nên đây cũng là cơ hội để Chính phủ sử dụng nguồn tài chính từ Quỹ Đa phương hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất sử dụng HCFC có điều kiện chuyển đổi công nghệ, thúc đẩy sản xuất kinh doanh theo hướng xanh, bền vững, đồng thời bảo đảm tính cạnh tranh và sự tham gia của các doanh nghiệp vào hệ thống thương mại quốc tế trong bối cảnh thế giới đang dần loại trừ hoàn toàn các chất HCFC.

### **3.2. Những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi dự án bao gồm:**

*1) Nghiên cứu, xem xét, đánh giá các công nghệ và khả năng của các doanh nghiệp để thực hiện chuyển đổi công nghệ nhằm loại trừ 35% lượng tiêu thụ cơ sở các chất HCFC vào năm 2020 theo quy định của Nghị định thư Montreal trong các lĩnh vực:*

- Sản xuất điều hòa không khí: từ sử dụng HCFC-22 chuyển sang HFC-32 hoặc HC-290;
- Sản xuất thiết bị lạnh: từ sử dụng HCFC-22 chuyển sang HFC-32, ammoniac, các môi chất lạnh có GWP thấp hoặc bằng 0;
- Sản xuất xốp XPS: từ sử dụng HCFC-22 chuyển sang sử dụng CO<sub>2</sub>;
- Sản xuất xốp cách nhiệt: từ sử dụng HCFC-141b trộn sẵn trong polyol chuyển sang hydrocarbon, HFO.
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lạnh: hạn chế làm suy giảm tầng ô-dôn từ việc rò rỉ các chất ODS thông qua quá trình huấn luyện, đào tạo về kỹ thuật bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

*2) Tăng cường năng lực cho hệ thống quản lý, doanh nghiệp và cộng đồng nhằm bảo đảm kết quả loại trừ các chất HCFC, cụ thể:*

- Xây dựng tiêu chuẩn sử dụng các chất hydrocarbon, HFO trong lĩnh vực sản xuất xốp cách nhiệt; xây dựng tài liệu giảng dạy về môi chất lạnh có tính cháy trong thiết bị lạnh, điều hòa không khí gia dụng;
- Hướng dẫn kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu các chất HCFC cho cán bộ Hải quan; huấn luyện, hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tượng liên quan về thao tác, xử lý với môi chất lạnh đã được chuyển đổi thay thế có tính cháy trong hệ thống, thiết bị lạnh;
- Tuyên truyền về loại trừ các chất HCFC trong sản xuất và dịch vụ;
- Chuẩn bị cơ sở để xây dựng Dự án HPMP III.

*3) Điều phối và kiểm soát các hoạt động loại trừ HCFC của Việt Nam theo đúng lộ trình đã được Việt Nam cam kết thực hiện, cụ thể:*

- Tổ chức quản lý, điều phối thực hiện dự án; tuyển chọn các Chuyên gia tư vấn có trình độ và kinh nghiệm phù hợp để thực hiện dự án đáp ứng các mục tiêu đề ra;
- Xây dựng đề xuất và Hồ sơ Dự án HPMP giai đoạn III trình Quỹ Đa phương xem xét, thông qua, đảm bảo tính liên kết với các giai đoạn I và giai đoạn II, phù hợp với Lộ trình theo quy định của Nghị định thư Montreal.

### **4. Nhu cầu tài trợ dự án bằng nguồn vốn ODA**

Việt Nam là nước đang phát triển, ngân sách nhà nước chi cho các hoạt động ứng phó với BĐKH còn khó khăn. Mặc dù vậy, giai đoạn vừa qua ngân sách nhà nước đã rất cố gắng đầu tư cho các hoạt động ứng phó với BĐKH,

trong đó tập trung cho các hoạt động thích ứng BĐKH như: nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm tăng cường khả năng chống chịu với BĐKH tại các khu vực dễ bị tổn thương; trồng, phục hồi rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn; chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp từ chủ yếu dựa vào nước ngọt sang thích ứng với nước mặn... Tuy nhiên ngân sách nhà nước chỉ cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính nói chung và loại trừ các chất HCFC nói riêng là rất hạn chế. Mặt khác, khi tham gia Nghị định thư Montreal, bên cạnh trách nhiệm và nghĩa vụ phải thực hiện, chúng ta được quyền hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm.

Do đó, để triển khai Dự án HPMP II, theo lộ trình loại trừ các chất HCFC tại Việt Nam, góp phần cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ tầng ô-dôn, rất cần có sự hợp tác, hỗ trợ, tài trợ ODA của cộng đồng quốc tế.

### **III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ**

#### **1. Tính phù hợp của của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ**

Quỹ Đa phương được các Bên tham gia Nghị định thư Montreal thành lập năm 1992, do các nước phát triển đóng góp kinh phí để hỗ trợ các nước đang phát triển thực hiện các hoạt động mang tính quốc gia nhằm loại trừ ODS và tuân thủ các quy định của Nghị định thư Montreal.

Hồ sơ Dự án HPMP II do WB phối hợp với Cục BĐKH xây dựng đã được Quỹ đa phương thông qua và xác nhận cung cấp tài chính. Do vậy Dự án HPMP II hoàn toàn đáp ứng được các mục tiêu, chính sách và tiêu chí của Quỹ Đa phương.

#### **2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ**

Quỹ Đa phương là nhà tài trợ duy nhất cho việc thực hiện Nghị định thư Montreal ở Việt Nam. Theo Nghị định thư Montreal, Việt Nam là nước đang phát triển, có quyền được nhận tài trợ tài chính, công nghệ từ Quỹ này, với điều kiện Việt Nam thực hiện đúng các quy định của Nghị định thư Montreal và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quỹ Đa phương.

WB được Quỹ Đa phương uỷ thác quản lý thực hiện Dự án HPMP II. WB là một định chế tài chính quốc tế mạnh về quản lý, tư vấn công nghệ, chính sách và đã có nhiều năm hoạt động tại Việt Nam, trong đó có hơn 10 năm thực hiện dự án loại trừ ODS theo Nghị định thư Montreal. Do vậy việc WB giữ vai trò quản lý thực hiện dự án theo uỷ thác của Quỹ Đa phương là một điều kiện thuận lợi, bảo đảm cho việc thực hiện thành công dự án.

#### **3. Điều kiện cung cấp vốn ODA của Quỹ Đa phương và WB**

##### **3.1. Các quy định của Quỹ Đa phương**

Quỹ Đa phương, nhà tài trợ cho các hoạt động thực hiện Nghị định thư Montreal ở Việt Nam đã phê duyệt Hồ sơ Dự án HPMP II với mức kinh phí tài

trợ là 14.644.834 USD. Tuy nhiên, để nhận được toàn bộ số kinh phí tài trợ này, phía Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các quy định, trong đó một số yêu cầu căn bản nhất là:

1) Việt Nam phải bảo đảm tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ loại trừ các chất HCFC theo lộ trình do Nghị định thư Montreal quy định, theo đó mức tiêu thụ tối đa các chất HCFC của Việt Nam trong các năm 2016-2021 và thời gian giải ngân kinh phí dự án như sau:

TT	Danh mục	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Hạn định loại trừ của Nghị định thư Montreal - các chất thuộc Phụ lục C, Nhóm I (tấn ODP)	199,08	199,08	199,08	199,08	143,78	143,78
2	Tổng lượng tiêu thụ tối đa cho phép các chất thuộc Phụ lục C, Nhóm I (tấn ODP)	199,08	199,08	199,08	199,08	143,78	143,78
3	Kinh phí tài trợ	439.34	2.343.17	3.807.65	4.393.45	2.928.96	732.24
<b>Tổng kinh phí tài trợ: 14.644.834 USD</b>							

2) Việt Nam phải thiết lập hệ thống kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu các chất HCFC theo hạn ngạch, tương ứng với lộ trình loại trừ các chất này. Hạn ngạch nhập khẩu các chất HCFC phải được cắt giảm tương ứng với hạn định loại trừ được nêu trong bảng trên;

3) Việt Nam cần xem xét và cấm nhập khẩu điều hòa không khí gia dụng sử dụng môi chất lạnh HCFC-22 sau khi các doanh nghiệp trong nước hoàn thành chuyển đổi công nghệ sang HFC-32/HC-290, dự kiến vào năm 2023. Điều này phù hợp với chính sách bảo hộ sản xuất trong nước;

4) Việt Nam cần xem xét và cấm nhập khẩu polyol trộn sẵn HCFC-141b trong lĩnh vực sản xuất xốp cách nhiệt sau khi kết thúc dự án này, dự kiến vào năm 2023;

5) Việt Nam phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về lập kế hoạch thực hiện dự án, báo cáo kết quả thực hiện dự án và báo cáo lượng tiêu thụ các chất HCFC hàng năm;

6) Việt Nam phải thực hiện dự án theo các quy định và quy trình của WB - cơ quan thi hành Nghị định thư Montreal được uỷ thác quản lý thực hiện dự án;

7) Trong trường hợp không tuân thủ hạn định loại trừ các chất HCFC, kinh phí dự án sẽ bị cắt giảm; mức cắt giảm là 112 USD/kg ODP đối với lượng tiêu thụ vượt mức được quy định nêu trên;

8) Chỉ hỗ trợ tài chính cho chuyển đổi công nghệ trong lĩnh vực sản xuất sử dụng các chất HCFC sang công nghệ mới có công suất tương đương. Nếu tăng công suất sản xuất, phần chênh lệch giá phải do doanh nghiệp tự chi trả;

9) Mọi khoản kinh phí dự án không sử dụng, sử dụng sai mục đích của Dự án hoặc các khoản kinh phí đã được phê duyệt nhưng không sử dụng hết đều phải hoàn trả lại cho Quỹ Đa phương thông qua WB, cơ quan được ủy thác thực hiện dự án;

10) Mức tiêu thụ các chất HCFC ở Việt Nam trong các năm 2016 - 2021 phải được kiểm toán độc lập;

11) Phía Việt Nam phải chấp thuận chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ Đa phương hoặc của tổ chức, cá nhân được Quỹ Đa phương uỷ quyền trong quá trình thực hiện dự án.

### *3.2. Các quy định của WB - cơ quan thi hành Nghị định thư, được uỷ thác quản lý dự án*

Các quy định về thực hiện dự án của WB cơ bản gồm:

1) Hiệp định dự án phải được ký kết giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và WB theo đúng các thoả thuận song phương giữa Chính phủ Việt Nam và WB;

2) Việc thực hiện dự án phải đồng thời tuân thủ các quy định của Nhà nước Việt Nam và của WB;

3) Các vấn đề an toàn con người, xã hội và môi trường phải được tuân thủ theo đúng các chính sách của WB và theo đúng các quy định pháp luật của Nhà nước Việt Nam;

4) Kế hoạch quản lý môi trường cho các doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ loại trừ HCFC-22 trong sản xuất điều hòa không khí, thiết bị làm lạnh và sản xuất xốp XPS, HCFC-141b trộn sẵn trong polyol trong sản xuất xốp cách nhiệt (hợp phần 1 của dự án) phải được các doanh nghiệp xây dựng và áp dụng thực hiện sau khi WB xem xét, chấp thuận;

5) Hướng dẫn thực hiện dự án phải được phía Việt Nam xây dựng và áp dụng sau khi WB thông qua, trong đó có hướng dẫn chi tiết cho từng khoản kinh phí của dự án cũng như các phương pháp đấu thầu cho từng hạng mục của dự án;

6) Thực hiện dự án phải rõ ràng, minh bạch và phòng chống tham nhũng;

7) Dự án không hỗ trợ cho các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ và có nguy cơ phá sản;

8) Các chỉ tiêu của dự án phải được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán được WB chấp nhận;

9) Phía Việt Nam phải chấp thuận chịu sự kiểm tra giám sát của WB trong suốt quá trình thực hiện dự án;

10) Mọi khoản kinh phí dự án không sử dụng, sử dụng sai mục đích của Dự án hoặc các khoản kinh phí đã được phê duyệt nhưng không sử dụng hết đều phải hoàn trả lại WB để WB hoàn trả cho Quỹ Đa phương;

11) WB sẽ thu hồi kinh phí tài trợ nếu các bên thực hiện/thụ hưởng vi phạm các quy định của WB về chống gian lận và tham nhũng được nêu trong Hướng dẫn chống gian lận và tham nhũng của WB (Anti Corruption Guideline).

#### **4. Khả năng đáp ứng của Việt Nam**

Việt Nam hoàn toàn có thể đáp ứng đầy đủ các quy định của Quỹ Đa phương và WB:

1) Việt Nam phê chuẩn tham gia và thực hiện Nghị định thư Montreal từ năm 1994, các hoạt động loại trừ ODS của Việt Nam đều do Quỹ Đa phương tài trợ với mục tiêu hỗ trợ Việt Nam tuân thủ các quy định của Nghị định thư, tính đến hết năm 2015, Quỹ Đa phương đã tài trợ cho Việt Nam 55 dự án với tổng số kinh phí tài trợ gần 17 triệu USD do các cơ quan quốc tế như WB, Chương trình Phát triển LHQ, Cơ quan Phát triển Công nghiệp LHQ, Chương trình Môi trường LHQ được uỷ thác quản lý thực hiện để loại trừ hoàn toàn tiêu thụ CFC, halon và CTC, HCFC-141b ở Việt Nam.

2) Các quy định của nhà tài trợ đều nhằm mục tiêu bảo đảm để Việt Nam hoàn thành nghĩa vụ loại trừ ODS theo đúng lộ trình do Nghị định thư quy định, các quy định tương tự của Quỹ Đa phương trong các dự án loại trừ CFC, halon và CTC, HCFC-141b đều đã được thực hiện đầy đủ trong suốt quá trình thực hiện Nghị định thư Montreal;

3) Bộ TNMT, cơ quan được Chính phủ giao làm đầu mối quốc gia thực hiện Nghị định thư Montreal và Cục BDKH là đơn vị trực thuộc Bộ TNMT được giao chủ trì thực hiện đã có 20 năm kinh nghiệm xây dựng và thực hiện các dự án do Quỹ Đa phương tài trợ cũng như thực hiện các quy định, quy trình của các cơ quan quốc tế được uỷ thác quản lý thực hiện dự án.

4) Việt Nam đã thực hiện dự án loại trừ các chất CFC, dự án hỗ trợ kỹ thuật do WB quản lý hoặc tài trợ trong thời gian 2005 - 2011, dự án loại trừ HCFC-141b giai đoạn 2012 - 2017, các quy định, quy trình thực hiện dự án đã được nắm vững; nguồn nhân lực có kiến thức và kinh nghiệm, bảo đảm việc thực hiện dự án theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam và của WB;

5) Việt Nam đã ban hành và áp dụng nhiều biện pháp chính sách quan trọng và đồng bộ, trong đó có hệ thống cấp phép nhập khẩu ODS theo hạn ngạch để thực hiện thành công việc loại trừ các chất CFC (Thông tư liên tịch Bộ Thương mại - Bộ TNMT số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT); HCFC-141b (Thông tư liên tịch Bộ Công Thương - Bộ TNMT số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT). Các biện pháp tương tự cũng sẽ được áp dụng để bảo đảm thành công trong việc loại trừ các chất HCFC.

6) Một quy định quan trọng nhất là thiết lập hệ thống kiểm soát và hạn ngạch nhập khẩu các chất HCFC đã được thực hiện. Bộ Công Thương - Bộ TNMT đã ký ban hành Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 quy định về quản lý nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn. Thông tư liên tịch số 47 nêu trên

đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, quy định hạn ngạch nhập khẩu các chất HCFC đến năm 2019. Quy định về quản lý nhập khẩu, xuất khẩu tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn cho giai đoạn 2020 - 2025 sẽ được Bộ Công Thương, Bộ TNMT phối hợp xây dựng và ban hành phù hợp với chính sách, pháp luật của Việt Nam về xuất nhập khẩu và xây dựng văn bản pháp luật.

- Một biện pháp chính sách quan trọng khác cũng đã được Việt Nam áp dụng là áp thuế bảo vệ môi trường đối với các chất HCFC. Luật thuế bảo vệ môi trường của Việt Nam có hiệu lực từ tháng 01 năm 2012 đã quy định áp thuế bảo vệ môi trường đối với các chất HCFC;

- Các doanh nghiệp sử dụng các chất HCFC đều quan tâm đến chuyển đổi sang sử dụng công nghệ an toàn cho môi trường, trong quá trình xây dựng dự án, các doanh nghiệp đều cộng tác chặt chẽ và sẵn sàng tham gia loại trừ các chất HCFC.

#### **IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

Hỗ trợ Việt Nam loại trừ hoàn toàn tiêu thụ các chất HCFC ở Việt Nam theo đúng lộ trình loại trừ các chất này do Nghị định thư Montreal quy định, bảo đảm để Việt Nam tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ của quốc gia thành viên thi hành Nghị định thư Montreal.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

- 1) Loại trừ hoàn toàn tiêu thụ 1.000 tấn HCFC-22 trong lĩnh vực sản xuất điều hòa không khí gia dụng, lĩnh vực làm lạnh, sản xuất xốp XPS và lĩnh vực dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lạnh.

- 2) Loại trừ hoàn toàn tiêu thụ HCFC-141b trộn sẵn trong polyol trong lĩnh vực sản xuất xốp cách nhiệt.

- 3) Bảo đảm để Việt Nam hoàn thành nghĩa vụ giảm 35% mức tiêu thụ cơ sở các chất HCFC từ năm 2020 đến năm 2024.

- 4) Giảm lượng phát thải khí nhà kính từ việc sử dụng các công nghệ thay thế không có tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) và tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) thấp và cải thiện hiệu suất năng lượng trong lĩnh vực làm lạnh và điều hòa không khí.

- 5) Tăng cường kiểm soát xuất, nhập khẩu các chất HCFC và tuyên truyền phổ biến các công nghệ không sử dụng HCFC trong tất cả các lĩnh vực liên quan.

- 6) Hoàn thành xây dựng văn kiện Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn III (2023 - 2030) trình Quỹ Đa phương xem xét tài trợ cho việc loại trừ hoàn toàn tiêu thụ các chất HCFC ở Việt Nam.

## **V. MÔ TẢ DỰ ÁN**

Dự án HPMP II gồm 3 hợp phần với tổng kinh phí đã được Quỹ Đa phương thông qua. Các Hợp phần của Dự án HPMP II không thay đổi và kinh phí của từng hợp phần có thể được chuyển đổi sang hợp phần khác khi có thoả thuận riêng bằng văn bản giữa các bên liên quan. Các hợp phần dự án gồm:

### **1. Hợp phần 1: Loại trừ tiêu thụ HCFC**

Theo quy định của Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal, các doanh nghiệp được xem xét nhận hỗ trợ tài chính và kỹ thuật để chuyển đổi công nghệ, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn khi đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Là doanh nghiệp sản xuất thuộc các nước đang phát triển;
- Có sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;
- Doanh nghiệp thành lập và sản xuất trước ngày 21 tháng 9 năm 2007;
- Chuyển đổi công nghệ sang sử dụng các chất không làm suy giảm tầng ô-dôn và có tiềm năng nóng lên toàn cầu thấp.

Hợp phần 1 được triển khai đối với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất sau:

#### ***A. Các doanh nghiệp tham gia loại trừ HCFC-22***

##### ***1.1. Lĩnh vực sản xuất điều hòa không khí gia dụng***

Theo kết quả điều tra và xây dựng dự án được Bộ TNMT và WB thực hiện, Việt Nam có 6 doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí sử dụng HCFC-22 làm môi chất lạnh. Trong số 6 doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí, có 4 doanh nghiệp thuộc các nước đang phát triển, đáp ứng tiêu chí tài trợ của Quỹ Đa phương để nhận được hỗ trợ tài chính để chuyển đổi công nghệ, loại trừ tiêu thụ HCFC-22 (đạt 70%). Các doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí gia dụng sử dụng HCFC-22 thuộc sở hữu của các nước phát triển (các nước thuộc Điều 2 Nghị định thư Montreal) không thuộc nhóm các doanh nghiệp đủ điều kiện được nhận tài trợ từ Quỹ Đa phương. Tại thời điểm xây dựng Dự án, 02 doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu thuộc nước phát triển là các công ty LG, AQUA (Sanyo) nên không được nhận hỗ trợ tài chính chuyển đổi công nghệ.

Hoạt động đầu tư được thực hiện cho lĩnh vực này nhằm chuyển đổi công nghệ tại 3 doanh nghiệp có vốn đầu tư 100% của Việt Nam và một doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu của Trung Quốc. Mặc dù không trực tiếp tham gia vào Dự án, nhưng Công ty LG Electronics Việt Nam Hải Phòng sẽ góp phần loại trừ sử dụng 76 tấn thông qua việc tự chuyển đổi công nghệ.

Thông qua hoạt động chuyển đổi công nghệ trong lĩnh vực sản xuất điều hòa không khí gia dụng, Việt Nam sẽ loại trừ sử dụng 251 tấn HCFC-22 trong sản xuất thiết bị điều hòa không khí; đồng thời loại trừ sử dụng 17,6 tấn HCFC được sử dụng cho mục đích bảo trì, bảo dưỡng điều hòa không khí. Tổng lượng HCFC-22 được loại trừ trong lĩnh vực sản xuất điều hòa không khí gia dụng là 268,6 tấn.



Các doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí gia dụng sẽ chuyển đổi sang sử dụng HFC-32 hoặc HC-290 thay cho HCFC-22. Trên thế giới, hiện nay ở các nước phát triển và các nước đang phát triển chỉ có hai môi chất lạnh HFC-32 và HC-290 được sử dụng để thay thế cho HCFC-22 trong lĩnh vực điều hòa không khí gia dụng. Hai môi chất lạnh này cũng được Nghị định thư Montreal chấp nhận làm chất thay thế cho HCFC-22 (chất có tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn ODP bằng 0,055 và tiềm năng làm nóng lên toàn cầu GWP bằng 1.810) do có ODP bằng không và GWP thấp trong đó HFC-32 có GWP là 675, HC-290 có GWP là 3,3. Việc lựa chọn môi chất lạnh nào trong hai môi chất lạnh này là do doanh nghiệp quyết định, thiết bị điều hòa không khí được sản xuất phải phù hợp với môi chất lạnh được lựa chọn.

Công nghệ sử dụng HFC-32 trong điều hòa không khí hiện nay đã được nhiều nước trong khu vực áp dụng. Nhật Bản đã sản xuất điều hòa không khí gia dụng sử dụng HFC-32 làm môi chất lạnh. Indonesia, Thái Lan với sự hỗ trợ về tài chính từ Quỹ Đa phương đã chuyển đổi công nghệ sang sử dụng HFC-32 cho điều hòa không khí gia dụng. Với sự hỗ trợ về tài chính từ Quỹ Đa phương, Trung Quốc đã chuyển đổi thành công dây chuyền sản xuất điều hòa không khí gia dụng sang sử dụng HC-290 thay cho HCFC-22. Như vậy, có thể thấy, công nghệ sử dụng môi chất lạnh thay thế đã được áp dụng thành công trên thế giới và có thể áp dụng được tại Việt Nam.

Công nghệ sử dụng môi chất lạnh HFC-32, HC-290 là công nghệ an toàn cho môi trường, đáp ứng đầy đủ tiêu chí của Nghị định thư Montreal. Tuy nhiên, công nghệ sử dụng HFC-32, HC-290 là chất cháy nổ nên các yêu cầu về an toàn cháy, nổ phải được tuân thủ.

Công nghệ điều hòa không khí gia dụng sử dụng HFC-32 là công nghệ do Nhật Bản phát minh và giữ bản quyền sáng chế; do vậy, trong khuôn khổ hoạt động chuyển đổi công nghệ cho các doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí gia dụng sẽ có hoạt động tư vấn kỹ thuật từ phía Nhật Bản, kinh phí được chi trả từ Dự án. Các hoạt động tư vấn kỹ thuật bao gồm: tư vấn kỹ thuật các doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí gia dụng trong quá trình chuyển đổi công nghệ tại cơ sở sản xuất; tư vấn đào tạo, huấn luyện đối với hoạt động vận hành, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng; tổ chức trao đổi kinh nghiệm và nghiên cứu về chuyển đổi công nghệ sử dụng HFC-32 tại nước ngoài; xây dựng các biện pháp về an toàn khi thao tác với môi chất lạnh có tính cháy, nổ.

Công nghệ điều hòa không khí gia dụng sử dụng HC-290 là công nghệ đã được công ty Midea tại Trung Quốc áp dụng. Trong trường hợp doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí gia dụng Midea hoạt động tại Việt Nam chuyển đổi sang công nghệ sử dụng HC-290, Midea Việt Nam sẽ yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật từ phía công ty mẹ Midea Trung Quốc.

Trong lĩnh vực sản xuất điều hòa không khí gia dụng có 4 doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí đã được WB khảo sát, đáp ứng các tiêu chí lựa chọn theo yêu cầu của Quỹ Đa phương và có thể tham gia dự án.

Thông tin tóm tắt về 4 doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí gia dụng tham gia loại trừ HCFC-22 và mức kinh phí tài trợ cho từng doanh nghiệp đã được Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal thông qua (số liệu tiêu thụ HCFC-22 năm 2014 khi xây dựng dự án) tại Bảng 1 như sau:

**Bảng 1. Thông tin tóm tắt về 4 doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí gia dụng tham gia loại trừ HCFC-22**

- Lượng tiêu thụ HCFC-22 loại trừ: 251 tấn
- Công nghệ thay thế: HFC-32; HC-290
- Dự kiến kinh phí tài trợ: 2.184.867 USD

Stt	Tên Công ty	Địa điểm	Lượng loại trừ tiêu thụ HCFC-22 (tấn)	Công nghệ thay thế	Dự kiến kinh phí tài trợ (USD)
1	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	KCN Phố Nối A, Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	47	HFC-32	608.200
2	Công Ty TNHH Midea Consumer Electric (Vietnam)	40 Vsip, đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	90	HFC-32 /HC-290	837.017
3	Công ty Cổ phần Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	28	HFC-32	513.350
4	Công ty cổ phần điện máy REE	Lô I-4, Đường số 11, KCN Tân Bình, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	10	HFC-32	226.300
5	Công ty LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	Lô số CN2 và CN3, KCN Trảng Duệ, H.An Dương, thuộc KKT Đình Vũ - Cát Hải, Hải Phòng	76	Công ty tự chuyển đổi công nghệ và không được nhận tài trợ do Công ty có vốn chủ sở hữu thuộc nước phát triển (Hàn Quốc)	
	<b>Tổng</b>		<b>251</b>		<b>2.184.867</b>

Hỗ trợ tài chính chuyển đổi công nghệ để loại trừ HCFC-22 tại các doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí gia dụng nêu trên dựa theo nguyên tắc chuyển đổi tương đương công suất và căn cứ trên lượng tiêu thụ HCFC-22, công suất và số lượng dây chuyền sản xuất của từng doanh nghiệp. Kinh phí được Quỹ Đa phương phê duyệt ước tính chỉ đáp ứng khoảng 80% nhu cầu tài chính cho

chuyển đổi công nghệ. Phần kinh phí còn thiếu và phần chi phí cải tạo, xây dựng nhà xưởng, ước tính khoảng 20% số vốn được tài trợ do doanh nghiệp tự chi trả.

Toàn bộ thiết bị công nghệ sản xuất điều hòa không khí gia dụng sử dụng HCFC-22 tại 4 doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí chuyển đổi công nghệ từ dự án nêu trên sẽ được thay thế và tiêu huỷ sau khi hoàn thành chuyển đổi công nghệ. Nhà xưởng sản xuất phải được cải tạo để đáp ứng yêu cầu của công nghệ sử dụng HFC-32, HC-290.

Các hạng mục chính được đầu tư chuyển đổi công nghệ loại trừ HCFC-22 bao gồm:

- Hệ thống dây chuyền sản xuất, thiết kế, sản xuất và thử nghiệm mẫu đầu tiên;
- Thiết bị sấy và thử nghiệm áp suất;
- Thiết bị rò ga cầm tay, thiết bị rò ga có độ chính xác cao;
- Thiết bị nạp ga;
- Bơm chân không;
- Chi phí thử nghiệm sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Chi phí chứng nhận sản phẩm và chất lượng sản phẩm sản xuất theo công nghệ mới của cơ quan có thẩm quyền;
- Đào tạo, huấn luyện về vấn đề sửa chữa, bảo dưỡng, an toàn;
- Hỗ trợ kỹ thuật.

Hiện nay các doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí đã chủ động tìm hiểu trước và thử nghiệm công nghệ sử dụng HFC-32 trong sản xuất điều hòa không khí gia dụng cũng như nhu cầu thị trường đối với sản phẩm sản xuất theo công nghệ mới. Điều hòa không khí sử dụng HFC-32 làm môi chất lạnh đã được nhập khẩu và bán tại thị trường Việt Nam từ năm 2015.

### *1.2. Lĩnh vực sản xuất thiết bị lạnh*

Theo kết quả điều tra được Bộ TNMT và WB thực hiện trong năm 2015, Việt Nam có 71 doanh nghiệp sản xuất thiết bị lạnh sử dụng HCFC-22.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất thiết bị làm lạnh, có 34 doanh nghiệp đã được WB khảo sát, đáp ứng các tiêu chí lựa chọn theo yêu cầu của Quỹ Đa phương và có thể tham gia dự án. WB đề nghị xét duyệt cung cấp tài chính hỗ trợ 34 doanh nghiệp trong lĩnh vực làm lạnh này. Số kinh phí được phân bổ cho 34 doanh nghiệp này dựa trên cơ sở xem xét cụ thể từng trường hợp, theo năng lực sản xuất và chuyển đổi công nghệ của từng doanh nghiệp.

Trong quá trình thực hiện Dự án danh sách các doanh nghiệp được lựa chọn để tham gia và thụ hưởng từ Dự án sẽ được WB và Ban QLDA đồng phê duyệt, những doanh nghiệp này sẽ được xem xét cung cấp tài chính để chuyển đổi công nghệ loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn hoặc sẽ được đưa vào Dự án giai đoạn III, dự kiến xây dựng vào năm 2022 - 2023.

Thông qua chuyển đổi công nghệ trong lĩnh vực sản xuất thiết bị lạnh sẽ giúp loại trừ sử dụng 303 tấn HCFC-22.

Hiện nay chưa có môi chất lạnh nào có ưu thế tuyệt đối dùng để thay thế cho HCFC-22 trong lĩnh vực sản xuất thiết bị lạnh. Các chất hydrocarbon, HFC-32, ammoniac, CO<sub>2</sub>/ammoniac, v.v... được khuyến khích sử dụng thay thế cho HCFC-22.

Theo kết quả điều tra được thực hiện trong năm 2015, lượng tiêu thụ HCFC-22 trong lĩnh vực sản xuất thiết bị lạnh là hơn 500 tấn. Tuy nhiên, trong khuôn khổ Dự án HPMP II, để tuân thủ nghĩa vụ loại trừ 35% lượng tiêu thụ vào năm 2020, chỉ cần thực hiện loại trừ tiêu thụ 303 tấn HCFC-22 trong lĩnh vực sản xuất thiết bị lạnh. Lượng tiêu thụ còn lại trong lĩnh vực sản xuất thiết bị lạnh sẽ được loại trừ trong giai đoạn III. Doanh nghiệp sản xuất thiết bị lạnh cụ thể và hỗ trợ tài chính cho từng doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ trong giai đoạn II sẽ được WB và Ban quản lý dự án xác định sau.

Hiện nay các doanh nghiệp sản xuất thiết bị lạnh đã bắt đầu nghiên cứu, tìm hiểu các công nghệ thay thế cho ODS để chuẩn bị cho việc chuyển đổi. Một số doanh nghiệp đã mua thiết bị lạnh đã qua sử dụng sản xuất theo công nghệ mới để tìm hiểu về công nghệ.

Thông tin tóm tắt về 34 doanh nghiệp sản xuất thiết bị lạnh được xem xét tham gia Dự án HPMP II được thể hiện tại Bảng 2 như sau:

**Bảng 2. Thông tin tóm tắt về các doanh nghiệp sản xuất thiết bị lạnh tham gia loại trừ HCFC-22**

- Lượng tiêu thụ HCFC-22 loại trừ: 303 tấn
- Công nghệ thay thế: HFC-32; Ammoniac, Hydrocarbon...
- Dự kiến kinh phí tài trợ: 3.636.000 USD

TT	Tên doanh nghiệp	Địa điểm
1	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Cơ điện lạnh Hoàn Hảo	19/2C KP Hòa Long, Phường Lái Thiêu, Thị Xã Thuận An, Bình Dương
2	Công Ty TNHH TM & XL Cơ điện lạnh Hải Đăng	405 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng
3	Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Kỹ Thuật Techbico	143 Nguyễn Hữu Thọ, Đà Nẵng
4	Công Ty CP Kinh doanh máy và thiết bị phụ tùng (Seatech)	1271-1273 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
5	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Phú Hùng	Lô 5B2.1 Khu liên kê, Phường Nại Hiên Đông, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng
6	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Danh Bình	66 Thi Sách, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
7	Công ty Cơ Điện Lạnh Đà Nẵng	Số 10 Khu công nghiệp Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng
8	Công ty TNHH Diên An	D10, Làng Khoa Học Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

<b>TT</b>	<b>Tên doanh nghiệp</b>	<b>Địa điểm</b>
9	Công Ty Cổ phần Điện lạnh công nghiệp Tuấn Minh	Số 1, ngõ 129, Nguyễn Hoàng Tôn, Quận Tây Hồ, Hà Nội
10	Công Ty TNHH Mai Dương	Số 36 Khu 13 ngõ 81 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
11	Công Ty TNHH Dịch vụ và Thương mại BKTECH	288 Lê Trọng Tấn, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
12	Công Ty TNHH Cơ điện lạnh Quang Thắng	Km 5 Quốc Lộ 5 Mới Mỹ Tranh, An Dương, Hải Phòng
13	Công Ty TNHH Thiết bị lạnh và Cách nhiệt TST	307/33 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 1, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh
14	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Cơ Điện Lạnh Tân Phương Tây	199 Lãn Binh Thăng, Phường 12, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
15	Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Lạnh Hưng Trí	51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
16	Công Ty TNHH Điện Lạnh Sài Gòn (SAREE)	144 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
17	Công Ty TNHH Kỹ Thuật Lạnh Phương Nam	67 KC/8C Thoại Ngọc Hầu, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
18	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Tân Long	86 Đồng Đen, Phường 14, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
19	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Nhất Việt	289 Nguyễn Chí Thanh, Phường 15, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
20	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Trường Thịnh	77 Đường số 23, Phường Tân Quý, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
21	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Đại Phú Thịnh	285/24C Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
22	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Miền Tây	14C An Hới, Phường 13, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
23	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Lê Quốc	638 Kha Vạn Cân, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
24	Công Ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu	25-27 phố Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
25	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Tân & Kỳ	5 Tân Kỳ Tân Quý, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
26	Công Ty Cổ phần Cơ điện lạnh Nam Thịnh	8-10 Nguyễn Bá Tuyên, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
27	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Thiên Tâm	250A Nguyễn Hồng Đào, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
28	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Phúc Hải	255/14 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
29	Công Ty TNHH Kỹ Thuật Lạnh Lê Sinh	07 Quốc Lộ 1A, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
30	Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh Lâm Sơn	50-52 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

TT	Tên doanh nghiệp	Địa điểm
31	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Thành Mỹ	E4/52 Quốc Lộ 1A, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
32	Công Ty TNHH Điện Lạnh RE COM	814 Lạc Long Quân, P. 9 , Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
33	Công Ty TNHH Thiết Bị Điện Lạnh VST	275/6/6 Lý Thường Kiệt, P. 15, Q. 11, Tp. Hồ Chí Minh
34	Công Ty TNHH Cơ Điện Lạnh Hùng Vương	Lô 8, Đường C, Khu công nghiệp Tân Tạo, Tp. Hồ Chí Minh

**Ghi chú:**

+ Theo kết quả điều tra khảo sát để xây dựng dự án, có 71 doanh nghiệp sản xuất thiết bị lạnh cung cấp thông tin cho việc xây dựng Dự án, trong đó đã tạm chọn ra 34 doanh nghiệp (theo tiêu chí của nhà tài trợ là doanh nghiệp phải được thành lập trước ngày 21 tháng 9 năm 2007) có tên trong danh sách nêu trên để xem xét trước;

+ Hợp phần này của Dự án là hợp phần mở, không hạn chế số lượng doanh nghiệp tham gia ở con số 34 nêu trên;

+ WB và Ban QLDA sẽ xem xét từng trường hợp một trên cơ sở tiêu chí và quy định của nhà tài trợ để quyết định doanh nghiệp nào đủ điều kiện tham gia và mức kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp đó;

+ Trong quá trình làm việc với từng doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp không muốn hoặc không đủ điều kiện tham gia Dự án dù doanh nghiệp có tên trong danh sách nêu trên, doanh nghiệp đó sẽ được loại ra khỏi danh sách này. Các doanh nghiệp nằm ngoài danh sách nêu trên có thể sẽ được xem xét.

Các hạng mục chính được đầu tư chuyển đổi công nghệ bao gồm:

- Phần mềm thiết kế hệ thống lạnh sử dụng các loại môi chất lạnh mới;
- Thiết kế lại các hợp phần và quy trình sản xuất; sản xuất và thử nghiệm mẫu đầu tiên sử dụng môi chất lạnh mới;
- Cải tạo khu vực nạp môi chất lạnh đảm bảo an toàn khi sử dụng môi chất lạnh có tính cháy nổ;
- Thiết bị kiểm tra áp suất;
- Thiết bị nạp môi chất lạnh;
- Thiết bị rò ga;
- Bơm chân không;
- Khu vực lưu giữ môi chất lạnh có tính cháy, bơm và đường ống dẫn truyền môi chất lạnh;
- Sản xuất mẫu đầu tiên sử dụng môi chất lạnh mới, thử nghiệm và kiểm tra;
- Chi phí chứng nhận sản phẩm và chất lượng sản phẩm sản xuất theo công nghệ mới;

- Đào tạo, huấn luyện về vấn đề sửa chữa, bảo dưỡng, an toàn;
- Hỗ trợ kỹ thuật.

Đối với lĩnh vực sản xuất thiết bị lạnh, một số doanh nghiệp sẽ thực hiện loại trừ HCFC trong Dự án HPMP II. Số còn lại sẽ được thực hiện ở giai đoạn III. Chi tiết cụ thể doanh nghiệp tham gia dự án loại trừ HCFC và kinh phí tài trợ tương ứng sẽ được WB và Ban QLDA thuộc Cục BĐKH xác định trong quá trình thực hiện dự án trên cơ sở xem xét cụ thể từng trường hợp một. Quyết định cuối cùng về lựa chọn doanh nghiệp tham gia hợp phần này của dự án sẽ do WB đưa ra.

### 1.3. Lĩnh vực sản xuất xốp XPS

Việt Nam có 01 doanh nghiệp sản xuất xốp XPS với lượng tiêu thụ khoảng 100 tấn HCFC-22 mỗi năm. Doanh nghiệp sản xuất xốp XPS đã được WB khảo sát, đáp ứng các tiêu chí lựa chọn theo yêu cầu của Quỹ Đa phương và có thể tham gia dự án. Trên cơ sở đề xuất dự án, Quỹ Đa phương đã phê duyệt một khoản kinh phí cụ thể để loại trừ lượng tiêu thụ này (100 % doanh nghiệp trong lĩnh vực này). Chuyển đổi công nghệ sẽ giúp loại trừ hoàn toàn tiêu thụ 100 tấn HCFC-22 mỗi năm tại doanh nghiệp sản xuất xốp XPS và góp phần đảm bảo Việt Nam tuân thủ hạn định và lượng tiêu thụ loại trừ theo quy định của Nghị định thư Montreal.

Công nghệ áp dụng CO<sub>2</sub> sẽ được sử dụng để thay cho HCFC-22 làm chất trợ nở trong dây chuyền sản xuất xốp XPS. Công nghệ CO<sub>2</sub> là công nghệ thân thiện với môi trường, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí do Quỹ Đa phương đề ra.

Thông tin về doanh nghiệp sản xuất xốp XPS tham gia loại trừ HCFC-22 và mức kinh phí tài trợ đã được Quỹ Đa phương phê duyệt trong khuôn khổ Dự án HPMP II thể hiện tại Bảng 3 như sau:

**Bảng 3. Thông tin về doanh nghiệp sản xuất xốp XPS tham gia loại trừ HCFC-22**

- Lượng tiêu thụ HCFC-22 loại trừ: 100 tấn
- Công nghệ thay thế: CO<sub>2</sub>
- Dự kiến kinh phí tài trợ: 613.568 USD

TT	Tên Công ty	Địa điểm
1	Công ty cổ phần đầu tư Phú Vương	Cụm công nghiệp Hải Sơn, Bình Tiên 2, Đức Hòa Hạ, Đức Hòa, Long An

Các hạng mục chính được đầu tư chuyển đổi công nghệ bao gồm:

- Thiết bị định lượng chất trợ nở;
- Thiết bị trộn và phun xốp;
- Thiết bị lưu giữ chất trợ nở;
- Thiết bị gia nhiệt bằng điện;

- Thiết bị an toàn, bao gồm: cảm biến, hệ thống thông gió và tiếp đất, chống tĩnh điện, hệ thống thiết bị điện, chiếu sáng có chức năng chống cháy nổ, hệ thống phòng cháy chữa cháy, máy phát điện dự phòng.

#### *1.4. Lĩnh vực dịch vụ bảo dưỡng thiết bị lạnh*

Theo điều tra khảo sát, gần 70% lượng tiêu thụ các chất HCFC được sử dụng trong lĩnh vực dịch vụ bảo dưỡng thiết bị lạnh. Đội ngũ công nhân kỹ thuật hoạt động trong ngành có kiến thức hạn chế về công nghệ làm lạnh sử dụng các môi chất lạnh thay thế, thiếu kỹ năng trong hoạt động vận hành và bảo trì thiết bị làm lạnh. Điều này đã dẫn đến một lượng lớn chất HCFC-22 bị rò rỉ ra môi trường.

Loại trừ HCFC-22 trong lĩnh vực dịch vụ bảo dưỡng thiết bị lạnh thông qua hoạt động đào tạo, huấn luyện kỹ năng vận hành và bảo trì thiết bị lạnh cho đội ngũ cán bộ và thợ kỹ thuật về môi chất lạnh thay thế, tăng cường nâng cao nhận thức về môi chất lạnh thay thế và bảo vệ môi trường sẽ giúp loại trừ 352 tấn HCFC-22 trong khuôn khổ dự án giai đoạn II.

Các hoạt động chính được thực hiện bao gồm:

- Cung cấp bộ đồ nghề giảng dạy cho 60 trường, trung tâm dạy nghề về làm lạnh và điều hòa không khí;
- Cung cấp khoảng 100 bộ đồ nghề sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lạnh cho các cơ sở dịch vụ sửa chữa điều hòa không khí và thiết bị lạnh;
- Thuê chuyên gia tư vấn tập huấn, đào tạo cho khoảng 60 giảng viên nguồn của 60 trường, trung tâm dạy nghề về môi chất lạnh mới;
- Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá hoạt động quản lý rò rỉ và các đề xuất về hiệu suất năng lượng tại các cơ sở làm lạnh công nghiệp;
- Đào tạo, huấn luyện cho khoảng 3.000 thợ kỹ thuật về thao tác, bảo trì thiết bị làm lạnh sử dụng môi chất lạnh thay thế;
- Tổ chức các hội nghị, hội thảo về loại trừ HCFC-22 và báo cáo kết quả thực hiện.

Việc triển khai dự án trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ bảo dưỡng thiết bị lạnh sẽ góp phần loại trừ hơn **1.000 tấn HCFC-22**, bảo đảm Việt Nam tuân thủ hạn định loại trừ 35% lượng tiêu thụ các chất HCFC từ 01 tháng 01 năm 2020 như Nghị định thư đã quy định.

### ***B. Các doanh nghiệp tham gia loại trừ HCFC-141b trộn sẵn trong polyol***

#### *1.5. Lĩnh vực sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng HCFC-141b trộn sẵn trong polyol*

1) Doanh nghiệp sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng HCFC-141b trộn sẵn trong polyol



Theo kết quả điều tra và xây dựng dự án được Bộ TNMT và WB thực hiện trong năm 2015, ngoài 12 doanh nghiệp sử dụng HCFC-141b nguyên chất và HCFC-141b trộn sẵn trong polyol đã nhận được kinh phí để loại trừ hoàn toàn HCFC-141b nguyên chất và trộn sẵn trong polyol trong khuôn khổ Dự án HPMP I, Việt Nam có hơn 70 doanh nghiệp sản xuất xốp sử dụng HCFC-141b trộn sẵn trong polyol.

Mặc dù HCFC-141b trộn sẵn trong polyol không phải chất bị quy định phải loại trừ theo Nghị định thư Montreal; tuy nhiên, để đảm bảo tính bền vững trong loại trừ HCFC-141b, Quỹ Đa phương đã quyết định rằng các doanh nghiệp được thành lập trước ngày 21 tháng 9 năm 2007 có sử dụng HCFC-141b trộn sẵn trong polyol để sản xuất xốp được xem xét để nhận hỗ trợ tài chính chuyển đổi công nghệ, loại trừ HCFC-141b trộn sẵn trong polyol.

Theo Quyết định XIX/6 của các Bên tham gia nghị định thư Montreal, công nghệ thay thế phải bảo đảm ODP bằng không và GWP thấp, và tiếp nối thành công của các doanh nghiệp xốp chuyển đổi công nghệ tại giai đoạn I, công nghệ cyclo-pentane (hydrocarbon) trong lĩnh vực sản xuất xốp cách nhiệt đã được lựa chọn bên cạnh công nghệ sử dụng HFO.

Các công nghệ nêu trên là công nghệ an toàn cho môi trường, đáp ứng đầy đủ tiêu chí của Nghị định thư Montreal, tuy nhiên những công nghệ trên có giá thành cao.

Công nghệ sử dụng HFO là công nghệ mới được áp dụng trên thế giới, có giá thiết bị và hóa chất rất cao. Công nghệ sử dụng hydrocarbon là chất cháy nổ, nên yêu cầu về an toàn cháy, nổ rất cao, toàn bộ dây chuyền sản xuất xốp hiện hành phải được thay thế; nhà xưởng sản xuất, hệ thống điện và chiếu sáng phải được cải tạo lại theo tiêu chuẩn an toàn khi sử dụng hydrocarbon.

Trong khuôn khổ Dự án HPMP II, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong nước thiết lập cơ sở sản xuất cyclo-pentane trộn sẵn trong polyol sẽ được thực hiện để thiết lập nguồn cung chất trợ nở cho các doanh nghiệp sản xuất xốp chuyển đổi công nghệ sang sử dụng cyclo-pentane nguyên chất hoặc cyclo-pentane trộn sẵn trong polyol. Hiện nay một số doanh nghiệp đã bắt đầu tìm hiểu và sử dụng cyclo-pentane trộn sẵn trong polyol để sản xuất xốp ở Việt Nam. Như vậy công nghệ sử dụng cyclo-pentane hoàn toàn khả thi.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất xốp, dựa trên kết quả khảo sát độc lập của WB, 44 doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí lựa chọn theo yêu cầu của Quỹ Đa phương và có thể tham gia dự án. Danh sách cụ thể các doanh nghiệp được lựa chọn tham gia và thụ hưởng từ Dự án sẽ được WB và Ban QLDA đồng phê duyệt. Thông tin tóm tắt về 44 doanh nghiệp dự kiến được lựa chọn tham gia Dự án trong lĩnh vực sản xuất xốp được thể hiện tại Bảng 4 như sau:

**Bảng 4. Thông tin tóm tắt về 44 doanh nghiệp sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng HCFC-141b trộn sẵn trong polyol**

- Lượng tiêu thụ HCFC-141b trộn sẵn trong polyol loại trừ: 684 tấn
- Công nghệ thay thế: Cyclo-pentane; HFO
- Dự kiến kinh phí tài trợ: 5.522.397 USD (bao gồm cả chuyển đổi công nghệ cho các trạm trộn sẵn cyclo-pentane)

<b>TT</b>	<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa điểm</b>
1	Công Ty TNHH Đại Hoàng Nam	Khu CN Võ Cường, Tp. Bắc Ninh
2	Công Ty TNHH Sản Xuất-Thương Mại-Dịch Vụ Sa Pai	Lô B1-1, khu A3, đường D9, khu công nghiệp Rạch Bắp, An Tây, Bến Cát, Bình Dương
3	Công ty TNHH Điện Tử Điện Lạnh Việt Nhật (Sanaky)	Số 6 Ấp An Thành, Xã An Tây, Huyện Bến Cát, Bình Dương
4	Công Ty Cổ phần Ngô Long	Lô 79, Đường số 10, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TX Dĩ An, Bình Dương
5	Công ty TNHH Đầu Tư Tây Hồ	Lô 38H Khu Công Nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội
6	Công Ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đoàn Minh	Tổ dân phố Miêu Nha 3, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
7	Công Ty Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	Lô A2, phố CN8, KCN Từ Liêm, Hà Nội
8	Công Ty TNHH Ngọc Dân	Km số 14, Quốc lộ 1A, Khu Công Nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội
9	Công Ty Cổ phần AUSTNAM	109 Trường Chinh, Hà Nội
10	Công Ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại HMC	229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội
11	Công Ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Long Giang	Số 48, Tổ 8, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội
12	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	Lô số 2, CN1 Cụm công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội
13	Công Ty TNHH Thương Mại & Công Nghiệp Mỹ Việt	Khu công nghiệp Phố Nối A - Huyện Văn Lâm, Hưng Yên
14	Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàng Đạt	75B Tôn Đức Thắng, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Hà Nội
15	Doanh nghiệp tư nhân sản xuất và Thương mại Thịnh Ngộ	80 Vĩnh Lộc, xã Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội
16	Doanh Nghiệp Tư Nhân Việt Nhật	Khu 11, Phường Bình Hàn, Hải Dương
17	Công Ty TNHH Tân Huy Hoàng	129/143 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng
18	Công Ty TNHH Thăng Thanh	365 Hai Bà Trưng, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Hải Phòng

<b>TT</b>	<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa điểm</b>
19	Công Ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hùng Nam	Km22+600, Quốc Lộ 5A, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Hưng Yên
20	Công Ty Cổ phần Thiết bị Thành Thái	Thôn Nhân Vinh, Xã Dị Sử, Huyện Mỹ Hào, Hưng Yên
21	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Tân Á Hưng Yên	Km.6, Cao lộ 39, Highway 39, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên
22	Công Ty TNHH Lưỡi Câu Hải Đăng	329 Quang Trung, Vĩnh Quang, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
23	Công Ty TNHH Đầu tư & Dịch vụ Phúc Thanh	Số 46, Lô 7 Đường Trần Nhân Tông, Phường Trần Quang Khải, Thành Phố Nam Định
24	Công Ty TNHH Thương Mại Hiền Vượng	192 đường Điện Biên, Phường Cửa Bắc, Thành phố Nam Định
25	Công Ty TNHH Thẩm Thủy	Tổ 17, Phường Tiên Cát, tp. Việt Trì, Phú Thọ
26	Công Ty TNHH Hà Tân	665 Vũ Văn Hiếu, Phường Hà Tu, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
27	Công Ty TNHH Yantai Moon	Khu Công Nghiệp Linh Trung 3, Lô 55, Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh
28	Công Ty TNHH SX - TM Long Phú	137 Quang Trung, Phường Ngọc Trạo, Thanh Hóa
29	Công Ty Cp Điện Tử Tân Bình – Vtb	248A, Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
30	Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hóa Kỹ Thuật T.E.C.O	Lô 1, đường 11, khu công nghiệp Hải Sơn, Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
31	Công Ty TNHH Tôn Thép Vạn Đạt Thành	1699 đường Hồng Lạc, Phường 10, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
32	Công Ty TNHH Trần Hữu Đức	1156 Quốc lộ 1A, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
33	Công ty TNHH Tân Hùng Thái	Lô H1 Đường Số 1, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
34	Công Ty TNHH Hoàng Tâm	Lô 2-6A, Đường công nghiệp 13, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh
35	Công Ty TNHH Nhựa Phước Thành	1250-1252 Võ Văn Kiệt, Phường 10, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
36	Cty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Đại Thành	416-418-420 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
37	Công Ty TNHH Điện Lạnh Sài Gòn (SAREE)	35/7 Bế Văn Cán, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
38	Công Ty Điện Tử Điện Lạnh Darling	37A, Lương Hữu Khánh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
39	Cty Cổ phần Phân phối Sở Trường Phương Nam	Lầu 2 Toà Nhà Thiên Sơn, số 5 Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

TT	Tên Công ty	Địa điểm
40	Doanh nghiệp tư nhân Nhựa Đồng Tâm	28/5A - Lương Văn Can, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
41	Công ty TNHH Công Nghệ Cơ Điện Lạnh Phan Bách	16 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 2, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
42	Doanh Nghiệp Tư Nhân Hưng Hà	Tổ 3, Phường Ý La, Thành Phố Tuyên Quang
43	Công ty Nhựa Thịnh Hòa	Tổ 14, Ấp Thuận Tiến, Xã Thuận An, Huyện Bình Minh, Vĩnh Long
44	Công Ty TNHH Phương Nam	Thôn Kiên Tràng, Xã Tam Quan, Huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc

**Ghi chú:**

+ Theo kết quả điều tra khảo sát để xây dựng dự án, có 71 doanh nghiệp sản xuất xốp cách nhiệt cung cấp thông tin cho việc xây dựng Dự án, trong đó đã tạm chọn ra 44 doanh nghiệp (theo tiêu chí của nhà tài trợ là doanh nghiệp phải được thành lập trước ngày 21 tháng 9 năm 2007) có tên trong danh sách nêu trên để xem xét trước;

+ Cấu phần này của Dự án là cấu phần mở, không hạn chế số lượng doanh nghiệp tham gia ở con số 44 nêu trên;

+ WB và Ban quản lý dự án sẽ xem xét từng trường hợp một trên cơ sở tiêu chí và quy định của nhà tài trợ để quyết định doanh nghiệp nào đủ điều kiện tham gia và mức kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp đó;

+ Trong quá trình làm việc với từng doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp không muốn hoặc không đủ điều kiện tham gia Dự án HPMP II dù doanh nghiệp có tên trong danh sách nêu trên, doanh nghiệp đó sẽ được loại ra khỏi danh sách này. Các doanh nghiệp nằm ngoài danh sách nêu trên sẽ được xem xét.

Các hạng mục chính được đầu tư chuyển đổi công nghệ bao gồm:

- Hệ thống kho chứa, bồn chứa pentane, bao gồm cả các van và ống dẫn chống tích điện. Tùy công suất sản xuất, có thể xây dựng kho, bồn chứa chìm dưới đất hoặc xây nổi ở vị trí thoáng khí;
- Hệ thống máy trộn hoá chất và chất trợ nở cùng các thiết bị dẫn truyền và bồn chứa;
- Máy phun xốp áp suất cao;
- Hệ thống băng chuyền sản xuất, các khuôn ép, bàn ép xốp;
- Hệ thống thông gió và tiếp đất cho toàn bộ nhà máy;
- Hệ thống điện của toàn bộ nhà máy sản xuất;
- Hệ thống kiểm soát và báo động nồng độ hydrocarbon trong khu vực kho chứa và toàn bộ khu vực sản xuất;
- Máy phát điện dự phòng;

- Chi phí chuyển giao công nghệ;
- Láng nền nhà xưởng sản xuất bằng vật liệu chống tích điện;
- Chi phí huấn luyện đào tạo sử dụng công nghệ mới; Chi phí đào tạo, huấn luyện công nhân sau khi hoàn thành chuyển đổi công nghệ
- Chi phí cho chuyên gia kiểm tra an toàn trước khi khởi động sản xuất theo công nghệ mới;
- Chi phí kiểm toán an toàn trước khi sản xuất theo công nghệ mới;
- Kiểm tra và xác nhận an toàn của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất xốp cách nhiệt PU sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b, chi tiết cụ thể doanh nghiệp tham gia dự án loại trừ HCFC và kinh phí tài trợ tương ứng sẽ được WB và Ban quản lý dự án thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định trong quá trình thực hiện dự án trên cơ sở xem xét cụ thể từng trường hợp một. Quyết định cuối cùng về lựa chọn doanh nghiệp tham gia hợp phần này của dự án sẽ do WB đưa ra.

## 2) Doanh nghiệp lắp đặt trạm trộn cyclo-pentane trộn sẵn

Để hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất xốp chuyển đổi công nghệ với kinh phí hạn chế, trong khuôn khổ dự án giai đoạn II, một phần hỗ trợ tài chính được lấy từ kinh phí chuyển đổi trong lĩnh vực xốp sẽ được sử dụng để hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện lắp đặt, vận hành các trạm trộn cyclo-pentane trộn sẵn.

Các trạm trộn cyclo-pentane sẽ giúp cung cấp cyclo-pentane trộn sẵn cho các doanh nghiệp sản xuất xốp, giảm bớt chi phí đầu tư chuyển đổi công nghệ so với công nghệ sử dụng cyclo-pentane nguyên chất.

Hỗ trợ tài chính để thiết lập trạm trộn cyclo-pentane sẽ được cung cấp cho từ hai đến bốn doanh nghiệp (một hoặc hai doanh nghiệp ở khu vực phía Bắc; một hoặc hai doanh nghiệp ở phía Nam) để đảm bảo nguồn cung thuận tiện cyclo-pentane trộn sẵn cho các doanh nghiệp sản xuất xốp chủ yếu tập trung ở hai khu vực này.

Các hạng mục chính được đầu tư bao gồm:

- Thiết bị dẫn truyền chất trợ nở và bơm vận chuyển;
- Thiết bị trộn chất trợ nở;
- Thiết bị kiểm soát quy trình trộn và hoạt động của toàn bộ dây chuyền vận hành;
- Hệ thống thông gió và tiếp đất;
- Hệ thống phát hiện rò rỉ hóa chất;
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy;
- Láng nền nhà xưởng sản xuất bằng vật liệu chống tích điện;
- Hệ thống ni tơ;

- Chi phí cho kiểm toán an toàn trước khi khởi động sản xuất theo công nghệ mới;
- Chi phí huấn luyện đào tạo và chuyển giao công nghệ;
- Thiết bị dành cho phòng thí nghiệm.

Hợp phần 1 sẽ được thực hiện thông qua tiêu dự án và tiêu hiệp định đối với các hoạt động đầu tư, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn. Các tiêu dự án và tiêu hiệp định tài trợ với kinh phí tài trợ được tính toán chi tiết cho từng loại thiết bị (trên cơ sở kinh phí đã được phê duyệt cho chuyển đổi sang công nghệ đã được Ban chấp hành Quỹ Đa phương phê chuẩn) sẽ được xây dựng và WB xét duyệt trước khi thực hiện.

Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ bao gồm 2 phần:

- Chi phí đầu tư gia tăng (incremental capital cost - ICC) để nhập khẩu thiết bị, chuyển giao công nghệ;
- Chi phí hoạt động gia tăng (incremental operation cost - IOC) để đền bù một phần thiệt hại của doanh nghiệp trong 1 năm tính theo chênh lệch giá nguyên liệu hoá chất sản xuất theo công nghệ mới.

Theo quyết định của nhà tài trợ, do giá thiết bị công nghệ mới đắt nên doanh nghiệp có thể sử dụng toàn bộ hoặc một phần chi phí IOC cho nhập khẩu/mua sắm thiết bị (ICC). Trong trường hợp này, các khoản chi phí khác hoặc tổn thất đều do doanh nghiệp tự chịu.

Khi bắt đầu sản xuất theo công nghệ mới, doanh nghiệp có thể yêu cầu chi trả kinh phí IOC còn lại.

Doanh nghiệp triển khai thực hiện chuyển đổi công nghệ theo tiêu hiệp định đã được ký kết. Doanh nghiệp chịu toàn bộ trách nhiệm mua sắm thiết bị và chuyển đổi công nghệ, đảm bảo việc thực hiện đúng theo quy định, bảo đảm an toàn trong quá trình lắp đặt thiết bị và sản xuất sau khi hoàn thành chuyển đổi công nghệ. Việc mua sắm thiết bị phải được tổ chức đấu thầu theo phương pháp và quy trình đã được WB chấp thuận và phải được Ban QLDA thông qua.

Dự án hỗ trợ tài chính chuyển đổi công nghệ để loại trừ HCFC-22 và HCFC-141b trộn sẵn trong polyol tại các doanh nghiệp nêu trên dựa theo nguyên tắc chuyển đổi tương đương công suất và căn cứ trên lượng tiêu thụ HCFC-22, HCFC-141b, công suất và số lượng dây chuyền sản xuất của từng doanh nghiệp. Kinh phí được Quỹ Đa phương phê duyệt chỉ đáp ứng khoảng 80% nhu cầu tài chính cho chuyển đổi công nghệ. Phần kinh phí còn thiếu và phần chi phí cải tạo, xây dựng nhà xưởng, ước tính khoảng 20% số vốn được tài trợ do doanh nghiệp tự chi trả.

Toàn bộ thiết bị công nghệ sản xuất sử dụng HCFC-22 và HCFC-141b trộn sẵn trong polyol tại các doanh nghiệp nêu trên sẽ được thay thế và tiêu hủy sau khi hoàn thành chuyển đổi công nghệ. Nhà xưởng sản xuất phải được cải tạo để đáp ứng yêu cầu của công nghệ mới.

Việc mua sắm thiết bị và chuyển giao công nghệ phải thực hiện theo phương thức đấu thầu do WB quy định.

Cơ chế tài chính của tiểu dự án và tiểu hiệp định là cấp phát 100% vốn ODA theo đúng cơ chế tài chính của Dự án này.

Giải ngân cho các doanh nghiệp thông qua tiểu dự án được thực hiện theo nguyên tắc bồi hoàn sẽ được quy định cụ thể trong Tài liệu hướng dẫn thực hiện dự án. Doanh nghiệp đầu tư kinh phí thực hiện trước các công đoạn chuyển đổi công nghệ, Ban QLDA sẽ bồi hoàn phần kinh phí doanh nghiệp đã đầu tư trước theo từng công đoạn đã hoàn thành.

Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tài trợ chuyển đổi công nghệ cho những doanh nghiệp này sẽ được thực hiện thông qua phương thức phiếu mua hàng. Phiếu mua hàng là hình thức đơn giản hóa của tiểu hiệp định ký kết với các doanh nghiệp có mức tài trợ lớn. Chi tiết thực hiện theo phương pháp phiếu mua hàng sẽ được xây dựng trong quá trình thực hiện dự án và quy định bổ sung trong Tài liệu hướng dẫn thực hiện dự án.

## **2. Hợp phần 2: Hỗ trợ kỹ thuật và chính sách**

Hợp phần 2 của Dự án HPMP II sẽ hỗ trợ các cơ quan nhà nước có liên quan xây dựng, phổ biến rộng rãi và hướng dẫn áp dụng các quy định và kỹ thuật để loại trừ các chất HCFC theo đúng quy định của Nghị định thư Montreal.

Bên cạnh đó, Hợp phần 2 cũng tăng cường năng lực chuyên môn cho các doanh nghiệp sử dụng thiết bị làm lạnh và đội ngũ cán bộ kỹ thuật.

Các hoạt động chính của hợp phần này bao gồm:

- Hỗ trợ xây dựng các quy định hướng dẫn về loại trừ các chất HCFC, trong đó bao gồm: xây dựng hệ thống kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu các chất HCFC; khuyến cáo hạn chế lắp đặt mới các thiết bị sử dụng HCFC; khuyến cáo không mở rộng sản xuất thiết bị dùng HCFC;

- Hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật sử dụng các chất cyclo-pentane, HFO trong sản xuất xốp;

- Tổ chức tập huấn và phổ biến thực hiện hệ thống cấp phép và hạn ngạch nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất HCFC và hợp chất có chứa HCFC;

- Tổ chức tập huấn cho các cán bộ hải quan về kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất HCFC;

- Thuê chuyên gia tư vấn hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí, thiết bị làm lạnh và sản xuất xốp được tài trợ theo hợp phần 1 của Dự án trong quá trình chuyển đổi công nghệ loại trừ HCFC-22 và HCFC-141b trong polyol trộn sẵn;

- Tổ chức đào tạo và huấn luyện an toàn cháy nổ cho các công nhân và cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ sang sử dụng HFC-32, HC-290 và hydrocarbon;
- Thuê chuyên gia tư vấn kiểm toán số liệu tiêu thụ các chất HCFC theo yêu cầu và quy định của Quỹ Đa phương;
- Thuê chuyên gia tư vấn xây dựng tài liệu giảng dạy về thao tác, xử lý với môi chất lạnh có tính cháy nổ trong lĩnh vực làm lạnh và điều hòa không khí;
- Tổ chức khảo sát, trao đổi, nghiên cứu về các công nghệ mới được áp dụng trong lĩnh vực làm lạnh, điều hòa không khí và sản xuất xốp tại quốc gia khác;
- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về sử dụng và loại trừ các chất HCFC cho các cơ quan nhà nước liên quan ở trung ương và địa phương, các doanh nghiệp và cộng đồng.

### **3. Hợp phần 3: Hỗ trợ Ban quản lý dự án**

Hợp phần 3 hỗ trợ cho Ban QLDA trong công tác quản lý, điều hành dự án đáp ứng các yêu cầu và quy định của Chính phủ và của Nhà tài trợ, bao gồm:

- Chi phí cho 05 chuyên gia tư vấn của dự án được tuyển chọn theo quy trình tuyển chọn tư vấn cá nhân của WB. Các chuyên gia tư vấn dự án gồm: Chuyên gia tư vấn điều phối dự án; Chuyên gia tư vấn kỹ thuật; Chuyên gia tư vấn đầu thầu; Chuyên gia tư vấn giám sát; Chuyên gia tư vấn tài chính/kế toán - hành chính;
- Chi phí thuê công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán độc lập các chi tiêu của Dự án. Việc tuyển chọn công ty kiểm toán thực hiện theo quy trình tuyển chọn Nhà thầu kiểm toán của WB;
- Chi phí mua sắm thiết bị văn phòng như máy tính, máy in, máy photocopy, máy tính xách tay.
- Chi phí mua phần mềm kế toán;
- Chi phí tổ chức các hội nghị, hội thảo khởi động và kết thúc dự án;
- Chi phí hoạt động hành chính của Ban QLDA, công tác phí, bưu phí, văn phòng phẩm, chi phí vận hành và bảo dưỡng các thiết bị máy móc văn phòng, thông tin liên lạc, chi phí đi lại, thuê phương tiện vận chuyển, tham gia các hội nghị hội thảo trong và ngoài nước, in ấn và phát hành tài liệu...

### **4. Kết quả chủ yếu của dự án**

#### **4.1. Kết quả tổng quát**

Lượng tiêu thụ các chất HCFC ở Việt Nam không được vượt quá quy định của Nghị định thư Montreal và theo quy định của Quỹ Đa phương về hỗ trợ tài chính cho Dự án HPMP II, cụ thể mức tiêu thụ các chất HCFC ở Việt Nam trong các năm 2020 - 2024 không được vượt quá mức quy định theo Bảng 5 dưới đây.



**Bảng 5. Mức quy định tối đa tiêu thụ các chất HCFC  
ở Việt Nam trong các năm 2020 - 2024**

Đơn vị tính: tấn

Chất/Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Các chất HCFC	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600

#### **4.2. Các kết quả chính:**

##### *1) Chuyển đổi công nghệ, kỹ thuật:*

- Chuyển đổi công nghệ từ sử dụng HCFC-22 sang HFC-32 hoặc HC-290 cho doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí;
- Chuyển đổi công nghệ từ sử dụng HCFC-22 sang HFC-32, ammoniac, các môi chất lạnh có GWP thấp hoặc bằng 0 cho doanh nghiệp sản xuất thiết bị lạnh;
- Chuyển đổi công nghệ sử dụng HCFC-22 sang sử dụng công nghệ CO<sub>2</sub> cho doanh nghiệp sản xuất xốp XPS;
- Chuyển đổi công nghệ sử dụng HCFC-141b trộn sẵn trong polyol sang sử dụng các chất hydrocarbon, HFO cho các doanh nghiệp sản xuất xốp.
- Tăng cường năng lực quản lý và sản xuất theo công nghệ thay thế cho các doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí.

##### *2) Quy định, tiêu chuẩn loại trừ HCFC*

- Tiêu chuẩn sử dụng các chất hydrocarbon, HFO trong lĩnh vực sản xuất xốp cách nhiệt
- Quy định hướng dẫn về loại trừ HCFC, trong đó gồm: kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu các chất HCFC; khuyến cáo hạn chế lắp đặt mới các thiết bị sử dụng HCFC; khuyến cáo không mở rộng sản xuất thiết bị dùng HCFC.

##### *3) Tài liệu, giáo trình hướng dẫn*

- An toàn cháy, nổ trong việc vận hành sản xuất xốp sử dụng công nghệ hydrocarbon;
- Môi chất lạnh có tính cháy, nổ sử dụng trong lĩnh vực làm lạnh và điều hòa không khí.

##### *4) Trang bị kỹ thuật*

- Bộ đồ nghề giảng dạy về môi chất lạnh có tính cháy, nổ như HFC-32, HC-290 cung cấp cho khoảng 60 trường dạy nghề trên cả nước, nhằm mục đích huấn luyện, đào tạo học viên, thợ sửa chữa điện lạnh về thao tác, xử lý môi chất lạnh có tính cháy, nổ;
- Bộ đồ nghề sửa chữa, bảo dưỡng cung cấp cho khoảng 100 cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng điều hòa không khí, thiết bị lạnh sử dụng môi chất lạnh có tính cháy, nổ;
- Khoảng 20 máy dò môi chất lạnh phát cho các doanh nghiệp sử dụng thiết bị làm lạnh công nghiệp.

#### *5) Đào tạo, tập huấn*

- Kỹ thuật chống rò rỉ các chất HCFC trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng cho doanh nghiệp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lạnh;
- Quản lý xuất nhập khẩu các chất HCFC cho cán bộ quản lý xuất nhập khẩu của Bộ Công Thương;
- Kiểm soát xuất nhập khẩu các chất HCFC cho cán bộ hải quan;
- An toàn cháy, nổ cho cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy các trường nghề và công nhân sản xuất của các doanh nghiệp;
- Nâng cao nhận thức về loại trừ HCFC.

#### *6) Trao đổi, học tập kinh nghiệm*

- Công nghệ thay thế các chất HCFC trong lĩnh vực làm lạnh, điều hòa không khí và sản xuất xốp tại nước ngoài;
- Chuyển đổi và vận hành công nghệ sử dụng môi chất lạnh có tính cháy, nổ trong sản xuất điều hòa không khí gia dụng.

#### *7) Các báo cáo tư vấn*

- Đề xuất Tiểu dự án của các doanh nghiệp tham gia dự án và Hồ sơ về các biện pháp an toàn để nộp cho cơ quan quản lý địa phương cho từng lĩnh vực: điều hòa không khí, làm lạnh và sản xuất xốp;
- Thẩm định đề xuất kỹ thuật và tài chính Tiểu dự án của các doanh nghiệp tham gia dự án;
- Phân loại các trường/trung tâm dạy nghề và cơ sở dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị lạnh;
- Biện pháp cải thiện hiệu suất năng lượng tại các doanh nghiệp sử dụng thiết bị làm lạnh công nghiệp;
- Kiểm toán số liệu lượng tiêu thụ các chất HCFC cho các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021;
- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các tiểu dự án;
- Kiểm toán tài chính dự án.

#### *8) Báo cáo Ban QLDA*

- Hồ sơ đề xuất Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn III trình Quỹ Đa phương.
- Hồ sơ đề nghị quyết toán dự án hoàn thành.

## **VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG**

### **1. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp**

Đối tác của Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal là Chính phủ Việt Nam, một Bên tham gia Nghị định thư Montreal. Quỹ Đa phương cung cấp khoản hỗ trợ tài chính không hoàn lại thông qua dự án này là để hỗ trợ Việt

Nam thực hiện loại trừ các chất HCFC, bảo đảm để Việt Nam tuân thủ các quy định và hạn định loại trừ các chất HCFC của Nghị định thư.

Nguồn tài chính hỗ trợ để giúp Việt Nam thực hiện đồng bộ các biện pháp đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và các biện pháp chính sách nhằm loại trừ tiêu thụ các chất HCFC. Nguồn ngân quỹ này phải được sử dụng trực tiếp cho các hoạt động loại trừ các chất HCFC, các doanh nghiệp sử dụng HCFC và các cơ quan nhà nước liên quan theo đúng các tiêu chí và quy định của Quỹ Đa phương.

Các đối tượng sau đây được thụ hưởng trực tiếp từ Dự án:

***a) Khu vực sản xuất điều hòa không khí, thiết bị làm lạnh và xốp sử dụng HCFC-22, HCFC-141b trộn sẵn trong polyol: 83 doanh nghiệp.***

Các doanh nghiệp này được nhận chi phí đầu tư để chuyển đổi công nghệ sản xuất loại trừ hoàn toàn tiêu thụ HCFC-22 và HCFC-141b trộn sẵn trong polyol theo quyết định của các Bên tham gia nghị định thư và theo các tiêu chí của Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư. Chi tiết thông tin về 83 doanh nghiệp dự kiến được lựa chọn thụ hưởng từ Dự án được nêu ở hợp phần 1 của Dự án.

Tài trợ cho các doanh nghiệp nêu trên được thực hiện theo hình thức tiểu dự án và tiểu Hiệp định do Cục BDKH và WB đồng điều phối và phê duyệt.

Dự kiến đóng góp vốn đối ứng từ các doanh nghiệp tham gia chuyển đổi công nghệ khi doanh nghiệp được lựa chọn tham gia Dự án đảm bảo được mức tổng vốn đối ứng đã được phê duyệt chủ trương đầu tư. Để thụ hưởng tài trợ từ dự án cho việc chuyển đổi công nghệ, các doanh nghiệp phải ký văn bản cam kết với các nội dung chính như sau:

- Chịu trách nhiệm lựa chọn thiết bị công nghệ, xây dựng và thực hiện tiểu dự án theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam, Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal và WB; chịu sự kiểm tra, kiểm soát và giám sát của Cục BDKH và WB;

- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của Nhà nước Việt Nam về bảo vệ môi trường và an toàn cháy, nổ, các quy định của nhà tài trợ và của WB;

- Sẵn sàng đầu tư kinh phí cho các hạng mục công việc không được tài trợ (coi như là vốn đối ứng của doanh nghiệp);

- Sau khi chuyển đổi công nghệ không được quay trở lại sử dụng HCFC-22, HCFC-141b trộn sẵn trong polyol dưới mọi hình thức;

- Mọi thiết bị sử dụng HCFC-22, HCFC-141b trộn sẵn trong polyol phải bị tiêu hủy sau khi kết thúc dự án dưới sự chứng kiến của WB và Bộ TNMT;

- Trường hợp doanh nghiệp thụ hưởng sau khi chuyển đổi công nghệ vẫn tiếp tục sử dụng bất hợp pháp ODS trong sản xuất, kinh phí tài trợ sẽ phải trả lại cho Ngân hàng Thế giới;

- WB sẽ thu hồi kinh phí tài trợ nếu các bên thực hiện/thụ hưởng vi phạm các quy định của WB về chống gian lận và tham nhũng được nêu trong Hướng dẫn chống gian lận và tham nhũng của WB (Anti Corruption Guideline).

***b) Khu vực giáo dục nghề nghiệp: 60 trường, trung tâm dạy nghề điện lạnh trên toàn quốc.***

Các trường, trung tâm dạy nghề được nhận bộ đồ nghề nhằm mục đích giảng dạy về thao tác, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lạnh sử dụng môi chất lạnh có tính cháy nổ, giảm và loại trừ rò rỉ các chất HCFC vào môi trường. Giảng viên từ các trường dạy nghề được tập huấn về lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị làm lạnh, điều hoà không khí sử dụng môi chất lạnh có tính cháy, nổ. Những giảng viên này sẽ trở thành giảng viên nguồn để truyền đạt lại kiến thức và kỹ năng thực hành thực tế cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật tại các cơ sở dịch vụ sửa chữa điện lạnh và học viên tại các trường, trung tâm dạy nghề sửa chữa điện lạnh trên toàn quốc.

***c) Khu vực dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng điện lạnh: Khoảng 100 cơ sở trên toàn quốc.***

Các cơ sở này được nhận bộ đồ nghề sửa chữa nhằm mục đích nâng cao kỹ năng sửa chữa, bảo dưỡng, giảm và loại trừ rò rỉ các chất HCFC ra môi trường; thao tác với môi chất lạnh có tính cháy, nổ; đóng vai trò thông báo cho lĩnh vực dịch vụ bảo dưỡng về giai đoạn III của dự án.

Hệ thống cơ sở dịch vụ sửa chữa điện lạnh trên toàn quốc thông qua hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp huấn luyện nâng cao tay nghề thực hành lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị làm lạnh, điều hoà không khí cho các thợ kỹ thuật tại những cơ sở này nhằm giảm tiêu thụ HCFC-22 trong lĩnh vực này.

Hệ thống cơ sở dịch vụ sẽ được cập nhật kiến thức và kỹ năng thực hành để áp dụng trong thực tế. Đây là một biện pháp gián tiếp tiết kiệm và giảm tổn thất các chất HCFC trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị, qua đó gián tiếp làm giảm lượng tiêu thụ các chất HCFC ở Việt Nam trong lĩnh vực được hỗ trợ.

***d) Khu vực quản lý Nhà nước: Các Bộ liên quan đến hướng dẫn, đào tạo và quản lý các chất HCFC.***

Bộ TNMT, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ quan Nhà nước liên quan phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng, đào tạo, hướng dẫn việc quản lý các chất HCFC nhằm đảm bảo giảm tiêu thụ các chất HCFC tại Việt Nam. Nâng cao năng lực kiểm soát nhập khẩu các chất HCFC và phòng chống buôn bán bất hợp pháp các chất HCFC.

## **VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**

### **1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước**

Ban QLDA tổ chức thực hiện trước việc tuyển các Chuyên gia tư vấn phục vụ công tác và các hoạt động của Ban QLDA, gồm:

- 01 Chuyên gia tư vấn điều phối dự án;
- 01 Chuyên gia tư vấn kỹ thuật dự án;
- 01 Chuyên gia tư vấn giám sát dự án;

- 01 Chuyên gia tư vấn đấu thầu;
- 01 Chuyên gia tư vấn tài chính/kế toán - hành chính.

Các chuyên gia tư vấn nêu trên sẽ hỗ trợ Ban QLDA trong việc xây dựng Kế hoạch thực hiện (Kế hoạch lựa chọn nhà thầu), Điều khoản tham chiếu, Hồ sơ mời quan tâm (Hồ sơ mời thầu), Tiêu chí đánh giá năng lực, Hồ sơ giám sát môi trường...

## **2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên**

Kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được nêu chi tiết tại Phụ lục 1.

Kế hoạch thực hiện dự án cho năm đầu tiên được nêu chi tiết tại Phụ lục 2.

## **3. Kế hoạch giám sát và đánh giá**

- Bộ TNMT là cơ quan chủ quản và là cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý, giám sát và đánh giá việc thực hiện dự án theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam, Hiệp định dự án.

- Quỹ Đa phương là nhà tài trợ cho Dự án HPMP II, thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá dự án một lần trong toàn bộ quá trình thực hiện dự án.

- WB là cơ quan được Quỹ Đa phương ủy thác quản lý toàn bộ nguồn vốn tài trợ, thực hiện kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện Dự án HPMP II theo các quy định của Quy Đa phương. WB thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực hiện dự án, một đến hai lần mỗi năm. Các hoạt động đấu thầu, kiểm soát tài chính và giải ngân được WB thực hiện tiền kiểm và hậu kiểm theo quy định.

- Cục BĐKH giám sát và đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về quản lý dự án ODA và Quy chế quản lý dự án ODA của Bộ TNMT. Cục BĐKH giám sát toàn bộ quá trình lựa chọn, ký kết hợp đồng của Ban QLDA đối với các Nhà thầu và giám sát quá trình điều chỉnh các nội dung Dự án HPMP II của Ban QLDA. Đánh giá kết quả của Dự án HPMP II và tổ chức bàn giao theo quy định.

- Ban QLDA tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của các Nhà thầu, các đơn vị phối hợp theo đúng Hiệp định Dự án, quy định của Bộ TNMT, Hướng dẫn thực hiện dự án do Cục BĐKH ban hành và các Văn bản ký kết giữa Ban QLDA với các đơn vị, nhà thầu.

# **VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

## **1. Hình thức quản lý dự án**

Việc tổ chức quản lý thực hiện dự án sẽ thông qua Ban QLDA do Cục BĐKH thành lập. Ban QLDA gồm:

- Cán bộ thuộc biên chế Cục BĐKH kiêm nhiệm: Giám đốc, Phó giám đốc điều hành, Kế toán trưởng.

- Chuyên gia tư vấn Ban QLDA: gồm 5 Chuyên gia tư vấn, được tuyển chọn theo quy trình tuyển chọn tư vấn cá nhân do WB quy định. Các Chuyên gia tư vấn được tuyển chọn làm việc cho dự án được Dự án trả lương và các chế độ liên quan trong hợp phần 3 của Dự án.

- Ban QLDA có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được phép mở tài khoản tại một ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước chỉ định theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của WB.

- Ban QLDA chịu trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng Hiệp định dự án được ký kết giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và WB; tuân thủ các quy định của Chính phủ. Trong trường hợp Hiệp định và quy định của Chính phủ có sự khác biệt thì ưu tiên thực hiện theo Hiệp định.

Việc thực hiện dự án đồng thời phải theo đúng “Hướng dẫn thực hiện dự án” được WB phê duyệt. Tùy tình hình thực tế phát sinh, tài liệu Hướng dẫn thực hiện dự án sẽ được sửa đổi và được WB phê duyệt để áp dụng. Trong các trường hợp đặc biệt, WB sẽ quyết định việc thực hiện dự án và được quy định trong tài liệu Hướng dẫn thực hiện dự án.

Hoạt động của Ban QLDA phải theo đúng Quy chế hoạt động của Ban QLDA được Cục BĐKH ban hành;

Mọi hoạt động của Ban quản lý dự án phải công khai minh bạch và phòng chống tham nhũng.

Để thực hiện vai trò và trách nhiệm của Chủ dự án, Cục BĐKH phân công cán bộ thuộc biên chế của Cục kiêm nhiệm theo dõi, giám sát Dự án, gồm:

- 01 Cán bộ kỹ thuật dự án: giúp việc cho Cục BĐKH theo dõi, giám sát các hoạt động chuyên môn của Dự án.

- 01 Cán bộ quản lý dự án: giúp việc cho Cục BĐKH theo dõi, giám sát các hoạt động điều hành, tổ chức thực hiện dự án.

## **2. Cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan: cơ quan chủ quản, chủ dự án, Ban QLDA, nhà tài trợ và các bên tham gia khác để thực hiện và quản lý dự án**

- Bộ TNMT là cơ quan đầu mối quốc gia về thực hiện Nghị định thư Montreal và là cơ quan thay mặt Chính phủ liên hệ với các cơ quan thi hành Nghị định thư Montreal trong việc vận động tài trợ quốc tế cho thực hiện Nghị định thư ở Việt Nam và phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc đảm bảo thực hiện Dự án theo Hiệp định ký kết với WB;

- Bộ TNMT và WB là hai cơ quan đồng điều phối, hướng dẫn và giám sát thực hiện dự án;

- WB giám sát việc thực hiện dự án theo các quy trình của WB và theo quy định của Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal;

- Các cơ quan phối hợp thực hiện các hợp phần, hoạt động liên quan:

+ Cục Xuất Nhập khẩu, Bộ Công Thương: tổ chức các lớp tập huấn về kiểm soát xuất nhập khẩu các chất HCFC cho cán bộ chuyên trách Cục Xuất nhập khẩu;

+ Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính: tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ hải quan thực thi tại các chi cục hải quan về kiểm soát xuất nhập khẩu các chất HCFC và ngăn ngừa xuất nhập khẩu trái phép các chất HCFC;

+ Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: tổ chức huấn luyện cho các giảng viên nguồn của các trường dạy nghề về các thực tiễn tốt và đảm bảo an toàn khi thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị sử dụng môi chất lạnh có tính cháy, nổ.

- Doanh nghiệp tham gia Dự án HPMP II là đơn vị thụ hưởng các kết quả của dự án thực hiện dự án thông qua các hình thức:

+ Đối với các doanh nghiệp được tài trợ kinh phí lớn: Giải ngân cho các doanh nghiệp thông qua tiểu dự án được thực hiện theo nguyên tắc bồi hoàn sẽ được quy định cụ thể trong Tài liệu hướng dẫn thực hiện dự án. Tài liệu hướng dẫn thực hiện Dự án hiện đang được xây dựng và sẽ được phê duyệt sau khi Văn kiện Dự án được phê duyệt dựa trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ. Doanh nghiệp đầu tư kinh phí thực hiện trước các công đoạn chuyển đổi công nghệ, WB và Ban QLDA sẽ bồi hoàn phần kinh phí doanh nghiệp đã đầu tư trước theo từng công đoạn đã hoàn thành.

+ Đối với các doanh nghiệp được tài trợ kinh phí vừa và nhỏ: Tài trợ chuyển đổi công nghệ cho những doanh nghiệp này sẽ được thực hiện thông qua phương thức phiếu mua hàng. Phiếu mua hàng là hình thức đơn giản hóa của tiểu hiệp định ký kết với các doanh nghiệp có mức tài trợ lớn. Quy định chi tiết cho hình thức Phiếu mua hàng sẽ được thể hiện tại Tài liệu hướng dẫn thực hiện Dự án, sẽ được phê duyệt sau khi Văn kiện Dự án được phê duyệt. Chi tiết thực hiện theo phương pháp phiếu mua hàng sẽ được xây dựng trong quá trình thực hiện dự án và quy định bổ sung trong Tài liệu hướng dẫn thực hiện dự án.

### **3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ dự án được giao thực hiện dự án**

Cục BDKH, đơn vị được Bộ TNMT giao chủ trì thực hiện nghị định thư Montreal, có trách nhiệm chủ trì tổ chức và điều phối các hoạt động thực hiện Nghị định thư Montreal ở Việt Nam và là chủ Dự án loại trừ HCFC của Việt Nam, giai đoạn II có bộ máy và đội ngũ cán bộ đủ năng lực, kinh nghiệm chuyên trách về thực hiện Nghị định thư Montreal từ năm 1994 khi Việt Nam phê chuẩn tham gia Nghị định thư Montreal, có đủ năng lực quản lý và tổ chức thực hiện Dự án;

Cục BDKH đã có nhiều năm kinh nghiệm xây dựng, điều phối, tổ chức thực hiện thành công các dự án do Quỹ Đa phương cung cấp tài chính hỗ trợ Việt Nam loại trừ các chất ODS theo quy định của Nghị định thư Montreal thông qua các tổ chức quốc tế được Quỹ Đa phương uỷ thác quản lý như: Chương trình Môi trường LHQ, Chương trình phát triển của LHQ, Tổ chức Phát triển công nghiệp LHQ và WB. Kết quả là Việt Nam đã loại trừ hoàn toàn tiêu thụ các chất CFC, halon và CTC từ 01 tháng 01 năm 2010, loại trừ hoàn toàn tiêu thụ HCFC-141b nguyên chất từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ của Việt Nam về loại trừ ODS theo Nghị định thư Montreal;

Cục BĐKH, Bộ TNMT đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc với WB và các tổ chức quốc tế khác nên nắm vững các quy định, quy trình thực hiện dự án của WB cũng như của các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ;

Cục BĐKH có đội ngũ cán bộ quản lý chuyên ngành về các chất ODS, các cán bộ quản lý về kế hoạch, tài chính và dự án nên nắm bắt được các quy định của Chính phủ về quản lý Dự án HPMP II.

## IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN

Tổng số: 17.155.784 USD, tương đương 385.078.732.200 VNĐ, bao gồm:

**1. Vốn ODA viện trợ không hoàn lại:** 14.644.834 USD, tương đương 328.717.943.964 VNĐ

**2. Vốn đối ứng:** 56.360.788.236 VNĐ, tương đương 2.510.950 USD, trong đó:

- Vốn đối ứng của Bộ Tài nguyên và Môi trường: 2.684.187.000 VNĐ, tương đương 119.584 USD, gồm:

+ Tiền mặt: 1.364.187.000 VNĐ;

+ Hiện vật: 1.320.000.000 VNĐ là văn phòng làm việc của Ban QLDA bố trí tại Cục BĐKH trong 66 tháng (mỗi tháng 20.000.000 VNĐ).

- Vốn đối ứng của doanh nghiệp tham gia dự án: 53.676.601.236 VNĐ tương đương 2.391.366 USD (ước tính 20% kinh phí tài trợ) do các doanh nghiệp chi trả cho các hạng mục, hoạt động không được Quỹ Đa phương tài trợ.

Cơ cấu nguồn vốn của Dự án HPMP II được trình bày tại Bảng 6.

**Bảng 6. Cơ cấu nguồn vốn của Dự án HPMP II**

Nguồn vốn		Hợp phần 1	Hợp phần 2	Hợp phần 3	Cộng
Vốn ODA	USD	13.560.032	406.801	678.001	<b>14.644.834</b>
	VND	304.368.478.272	9.131.055.246	15.218.410.446	<b>328.717.943.964</b>
Vốn đối ứng Bộ TNMT	USD			119.584	<b>119.584</b>
	VND			2.684.187.000	<b>2.684.187.000</b>
Vốn đối ứng của Doanh nghiệp	USD	2.391.366			<b>2.391.366</b>
	VND	53.676.601.236			<b>53.676.601.236</b>
<b>Cộng</b>	USD	<b>15.951.398</b>	<b>406.801</b>	<b>797.585</b>	<b>17.155.784</b>
	VND	<b>358.045.079.508</b>	<b>9.131.055.246</b>	<b>17.902.592.910</b>	<b>385.078.732.200</b>

(Tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ODA là 22.446 đồng/01 USD).



## **X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA CỦA NHÀ TÀI TRỢ**

Quỹ Đa phương và WB không ràng buộc về phương thức chỉ định nhà cung cấp theo quy định tại Điều 6, Khoản 4 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016.

## **XI. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI DỰ ÁN**

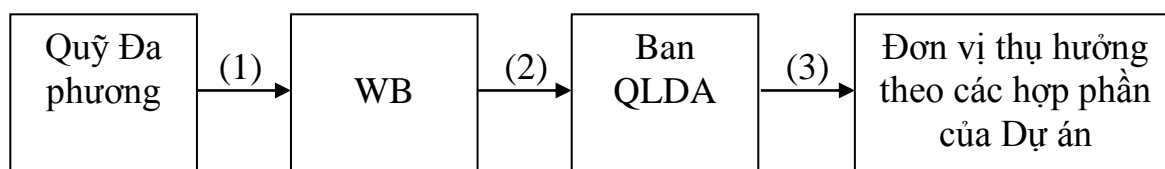
### **1. Đối với vốn ODA:** Cấp phát toàn bộ theo phương thức Tài trợ dự án.

Dự án HPMP II được Quỹ Đa phương tài trợ không hoàn lại nhằm mục tiêu hỗ trợ Việt Nam loại trừ sử dụng các chất HCFC trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ bảo dưỡng thiết bị lạnh, bảo đảm để Việt Nam tuân thủ đầy đủ các quy định của Nghị định thư Montreal về loại trừ HCFC mà Nhà nước đã phê chuẩn tham gia.

Do vậy các doanh nghiệp sử dụng HCFC và các đơn vị thực hiện hoạt động dịch vụ bảo dưỡng thiết bị lạnh là đối tượng thụ hưởng trực tiếp nguồn vốn ODA của Dự án.

Các chất HCFC được sử dụng trong sản xuất ở Việt Nam chủ yếu ở các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi công nghệ để loại trừ sử dụng HCFC-22, HCFC-141b trộn sẵn trong polyol (hợp phần 1 của Dự án) không phân biệt sở hữu nhà nước hay tư nhân, miễn là doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các quy định và tiêu chí của Quỹ Đa phương như đã nêu trên - các quy định của Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư và WB. Nếu sử dụng sai mục đích hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ, phần kinh phí của hợp phần này phải hoàn trả lại cho WB và sau đó WB hoàn trả lại cho Quỹ Đa phương. Vì vậy, đối với hợp phần 1 của Dự án - chuyển đổi công nghệ loại trừ HCFC-22 và HCFC-141b trộn sẵn trong polyol tại 83 doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí, thiết bị làm lạnh và xốp - việc giải ngân sẽ thông qua tiểu dự án và tiểu Hiệp định. Các tiểu dự án và tiểu Hiệp định được WB phê duyệt và kiểm soát thực hiện.

### **Sơ đồ tài trợ của Dự án HPMP II**



### **Ghi chú:**

(1) Quỹ Đa phương chuyển kinh phí hỗ trợ Việt Nam loại trừ HCFC về WB theo uỷ thác thực hiện Dự án;

(2) WB chuyển kinh phí Dự án về Ban QLDA theo Hiệp định dự án được Ngân hàng Nhà nước và WB ký kết và theo các quy trình dự án của WB;

(3) Ban QLDA thanh toán các chi phí của Dự án cho các đơn vị thụ hưởng ở các hợp phần của Dự án theo Hiệp định Dự án và theo quy định hiện hành.

## **2. Vốn đối ứng**

- Vốn đối ứng của Bộ TNMT:

+ Bằng tiền: Ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí trong dự toán chi hàng năm của Bộ TNMT.

+ Bằng hiện vật: Bộ TNMT giao Cục BĐKH sắp xếp cơ sở vật chất hiện có để thực hiện Dự án.

- Đối ứng của các doanh nghiệp tham gia Dự án: Doanh nghiệp tự bố trí vốn đối ứng cho các hạng mục và hoạt động không được WB tài trợ. Các doanh nghiệp được khuyến khích tự nguyện tham gia Dự án để loại trừ HCFC trong sản xuất, đảm bảo để Việt Nam tuân thủ nghĩa vụ quốc tế, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn. Tuy nhiên, khi đồng ý tự nguyện tham gia dự án, WB và Ban QLDA sẽ xem xét cụ thể từng doanh nghiệp, đồng thời doanh nghiệp phải cam kết tuân thủ các quy định của Nhà nước, nhà tài trợ và đóng góp các khoản đối ứng.

Các khoản đối ứng của các doanh nghiệp tham gia Dự án là con số dự kiến dựa trên thực tế thực hiện Dự án HPMP I. Các khoản đối ứng cụ thể của từng doanh nghiệp sẽ được tính toán chi tiết trong quá trình thực hiện, dựa trên năng lực sản xuất, quy mô nhà xưởng của doanh nghiệp và trên cơ sở khả năng hỗ trợ của Dự án.

**3. Tính chất chi của Dự án:** chi hành chính sự nghiệp.

## **XII. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC**

Ban QLDA tổ chức thực hiện trước việc tuyển các Chuyên gia tư vấn phục vụ công tác và các hoạt động của Ban QLDA, gồm:

- 01 Chuyên gia tư vấn điều phối;
- 01 Chuyên gia tư vấn kỹ thuật;
- 01 Chuyên gia tư vấn giám sát;
- 01 Chuyên gia tư vấn đấu thầu;
- 01 Chuyên gia tư vấn tài chính/kế toán - hành chính.

Các Chuyên gia tư vấn nêu trên sẽ hỗ trợ Ban QLDA trong việc xây dựng Kế hoạch thực hiện (Kế hoạch lựa chọn nhà thầu), Điều khoản tham chiếu, Hồ sơ mời quan tâm (Hồ sơ mời thầu), Tiêu chí đánh giá năng lực...

Kinh phí hồi tố cho thuê Chuyên gia tư vấn, thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm phục vụ quản lý dự án sẽ được xác định và đưa vào Hiệp định tài trợ ký giữa WB và Chính phủ Việt Nam./.